

BAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 38217713 Fax: (84-8) 38217452

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



VINATEX

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Địa chỉ: 25 phố Bà Triệu và 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84.4) 38257700 Fax: (84.4) 38262269

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 1, 10, 11 - Tháp BIDV – 35 Hàng Vôi – Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 2220 0672 Fax: (84.4) 2220 0669
Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3914 2956 Fax: (84.8) 3821 8510

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ VÀ CÁC ĐẠI LÝ ĐẤU GIÁ THEO QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ.....	4
PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	6
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	6
1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	6
2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam.....	6
II. CÁC BÊN LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	8
1. Tổ chức phát hành.....	8
2. Tổ chức thực hiện đấu giá	8
3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá.....	8
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	9
1. Tổ chức phát hành.....	9
2. Tổ chức tư vấn	9
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	10
V. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI	11
PHẦN II. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ.....	12
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ	12
1. Giới thiệu chung về tổ chức chào bán.....	12
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	13
3. Các thành tích đã đạt được trong hai năm gần đây	15
4. Cơ cấu tổ chức và các đơn vị thành viên.....	16
5. Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu	21
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	24
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	24
2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa.....	38
3. Thị trường và vị thế của Vinatex trong ngành Dệt May	44
PHẦN III. CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA TẠI DOANH NGHIỆP.....	47
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TÁC CỔ PHẦN HOÁ TẠI DOANH NGHIỆP	47
1. Thời điểm cổ phần hoá	47
2. Hình thức cổ phần hóa	47
3. Thực trạng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	47

II.	GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ.....	49
1.	Giá trị doanh nghiệp.....	49
2.	Cơ cấu nguồn vốn	52
1.	Các tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	54
PHẦN IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA .		55
I.	GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ	55
1.	Thông tin chung về doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá	55
2.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	55
3.	Mô hình tổ chức hoạt động dự kiến	57
II.	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP TRONG CÁC NĂM TỚI	59
1.	Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá.....	59
2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa.....	62
2.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá 71	
3.	Năng lực của Vinatex – Phân tích SWOT	76
PHẦN VIII. THÔNG TIN LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....		79
I.	CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	79
1.	Rủi ro về kinh tế.....	79
2.	Rủi ro về luật pháp.....	81
3.	Rủi ro đặc thù	83
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	83
5.	Rủi ro khác	84
II.	PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	84
1.	Phương thức bán cổ phần.....	84
2.	Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần.....	85
III.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	86
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ.....		87
Phụ lục.....		88
I.	Danh sách một số hợp đồng đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	88
1.	Xí nghiệp SXKD veston Hải Phòng	88
2.	Dopimex	88
3.	Dệt 8/3.....	88
II.	Danh mục đất Vinatex hiện đang sử dụng	89
I.	Danh sách các công ty con cấp II	95

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẦU GIÁ

Tổ chức phát hành: Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Tên tiếng Anh: Vietnam National Textile and Garment Group
Tên viết tắt: Vinatex

Cổ phần đầu giá là cổ phần do Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phát hành khi thực hiện cổ phần hóa theo các quy định hiện hành. Phạm vi cổ phần hóa là văn phòng Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (bao gồm cả các đơn vị hạch toán phụ thuộc) và 04 công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước (bao gồm Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân, Công ty TNHH MTV Dệt 8/3, Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương, Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam).

Số lượng cổ phần bán đầu giá:	121.999.150 cổ phần
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phần
Giá khởi điểm:	11.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu:	100 cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa:	121.999.150 cổ phần
Tổng số cổ phần tối đa phân phối cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài:	121.999.150 cổ phần
Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 đồng

Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến:

Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ	Trị giá (VND)
Nhà nước	255.000.000	51,00%	2.550.000.000.000
Người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa	3.000.850	0,60%	30.008.500.000
<i>Cổ phần người lao động được mua ưu đãi</i>	<i>2.313.100</i>	<i>0,46%</i>	<i>23.131.000.000</i>
<i>Cổ phần người lao động mua thêm</i>	<i>687.750</i>	<i>0,14%</i>	<i>6.877.500.000</i>
Nhà đầu tư bên ngoài (bao gồm cả cổ đông chiến lược)	241.990.150	48,40%	2.419.901.500.000
<i>Bán đầu giá công khai</i>	<i>121.999.150</i>	<i>24,40%</i>	<i>1.219.991.500.000</i>
<i>Bán cho nhà đầu tư chiến lược</i>	<i>120.000.000</i>	<i>24,00%</i>	<i>1.200.000.000.000</i>
Tổng Cộng	500.000.000	100%	5.000.000.000.000

☞ Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

- ☞ Đặt cọc: Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bán đấu giá.
- ☞ Thời gian và địa điểm nhận Bản Công bố thông tin: Từ ngày 23/06/2014 đến ngày 22/07/2014 tại các Đại lý bán đấu giá theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- ☞ Thời gian đăng ký đấu giá tại các Đại lý: Từ ngày 25/06/2014 đến ngày 14/07/2014 theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- ☞ Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá: Từ ngày 25/06/2014 đến ngày 18/07/2014 theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- ☞ Thời gian và Địa điểm tổ chức đấu giá:
 - Thời gian: 8h30' ngày 22/07/2014
 - Địa điểm: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- ☞ Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua được cổ phần căn cứ theo kết quả đấu giá: Từ ngày 23/07/2014 đến ngày 01/08/2014 theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

- ☞ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ☞ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP;
- ☞ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/11/2011 hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần

2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam

- ☞ Quyết định số 36/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/03/2008 phê duyệt chiến lược phát triển ngành Công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;
- ☞ Quyết định 974/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 về việc Chuyển Công ty Mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- ☞ Nghị định số 118/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
- ☞ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0100100008, đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010;
- ☞ Quyết định số 429/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/04/2012 về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2011-2015 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Quyết định 5151/QĐ – BCT ngày 07 tháng 10 năm 2011 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 5137/BCT-TCCB ngày 09 tháng 06 năm 2011 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 5572/VPCP-ĐMDN ngày 15 tháng 08 năm 2011 về việc xin hưởng cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 11813/BTC-TCDN ngày 01 tháng 09 năm 2011 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 6524/VPCP-ĐMDN ngày 20 tháng 09 năm 2011 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 10259/BCT-TC ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Công thương phê duyệt danh mục và giá trị tài sản được loại ra, không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa;

- ☞ Công văn số 8082/VPCP-ĐMDN ngày 10 tháng 11 năm 2012 của Văn phòng chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính nêu ý kiến về đề nghị kéo dài thời gian xác định GTDN của Bộ Công thương;
- ☞ Công văn 6403/QĐ-BCT ngày 07 tháng 12 năm 2011 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Quyết định số 1297/QĐ-BCT ngày 03/04/2013 của Bộ Công thương về việc bổ sung 01 thành viên vào Ban Chỉ đạo cổ phần hóa;
- ☞ Công văn số 4651/VPCP-ĐMDN ngày 27 tháng 06 năm 2012 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Quyết định số 6529/QĐ-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công thương về thông qua danh sách thành viên, nhiệm vụ của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 9791/VPCP-ĐMDN ngày 29 tháng 11 năm 2012 về việc kéo dài thời gian xác định giá trị doanh nghiệp và không định giá các đơn vị sự nghiệp khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 3919/BCT-TC ngày 07 tháng 05 năm 2013 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 6677/ BTC – TCDN ngày 27 tháng 05 năm 2013 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Công văn số 5062/VPCP-ĐMDN ngày 26 tháng 06 năm 2013 về cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Quyết định 4373/QĐ – BCT ngày 28 tháng 06 năm 2013 về việc xác định giá trị Công ty Mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa;
- ☞ Quyết định 10132/QĐ-BCT ngày 30/12/2013 sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa;
- ☞ Quyết định số 929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/07/2012 về việc phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015";
- ☞ Quyết định số 320/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/02/2013 về Quyết định Phê duyệt "Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015";
- ☞ Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 06/05/2014 về Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- ☞ Quyết định số 4085/BCT-TC của Bộ Công ngày 15/05/2014 về Phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá, Tổ chức trung gian tư vấn bán cổ phần lần đầu, Địa điểm bán đấu giá

II. CÁC BÊN LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

1. Tổ chức phát hành

Tên tiếng Việt: Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Tên viết tắt: Vinatex
Tên tiếng Anh: Vietnam National Textile and Garment Group
Trụ sở chính: 25 Bà Triệu và 41 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84.4) 38257700
Fax: (84.4) 38262269

2. Tổ chức thực hiện đấu giá

Tên tiếng Việt: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Tên tiếng Anh: Hochiminh Stock Exchange
Trụ sở: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84.4) 38217713
Fax: (84.4) 38217452
Website: www.hsx.vn

3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

Tên tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tên tiếng Anh: BIDV Securities Company
Trụ sở: Tầng 1, 10,11 Tháp BIDV – 35 Hàng Vôi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 39352722
Fax: (84.4) 22200669
Website: www.bsc.com.vn

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông : Trần Quang Nghị Chức vụ: Thành viên Ban chỉ đạo

2. Tổ chức phát hành

Bà: Phạm Nguyễn Hạnh Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Vinatex đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn

Bà: Trần Thị Thu Thanh Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Vinatex cung cấp. Chúng tôi đã thực hiện các bước xây dựng nội dung Bản Công bố thông tin tuân thủ đúng trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BCTC	Báo cáo tài chính
CNĐKDN	Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
CTCP	Công ty Cổ phần
CMT	Gia công
Dệt 8/3	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3
Dopimex	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương
Doximex	Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EU	Liên minh Châu Âu
EUR	Đồng tiền chung Châu Âu
FOB	Xuất khẩu trọn gói
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
HDQT	Hội đồng quản trị
ISO	Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế
JPY	đồng Yên Nhật Bản
ODM	Giải pháp cung cấp may mặc trọn gói từ thiết kế đến phát triển sản phẩm
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
TSCĐ	Tài sản cố định
Tập đoàn	Tập đoàn Dệt May Việt Nam
TCT CP	Tổng Công ty Cổ phần
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TPP	Hiệp định Thương mại Tự do xuyên Thái Bình Dương
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
USD	Đồng đô la Mỹ
VAS	Vietnam Accounting Standard – Chuẩn mực kế toán Việt Nam
Vinatex	Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Vinatexmart	Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
YOY	Year on Year - Năm sau so với năm trước

V. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI

Bản Công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của Vinatex về tương lai, đặc biệt trong Phần IV: Phương hướng phát triển doanh nghiệp sau khi Cổ Phần Hóa. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai.

Ngoài những nội dung cơ bản, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản Công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- ☒ Cơ cấu tổ chức của Vinatex;
- ☒ Chiến lược phát triển kinh doanh của Vinatex và các kế hoạch để thực thi chiến lược này; và
- ☒ Kế hoạch kinh doanh của Vinatex và các Công ty TNHH MTV giai đoạn 2014 - 2016.

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, tái cơ cấu mô hình tổ chức hoạt động, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa, kế hoạch và giải pháp thực hiện của Vinatex cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường hợp, Vinatex sử dụng các từ như "sẽ", "tin tưởng", "dự đoán", "dự kiến", "dự định", "có thể", "kế hoạch", "khả năng", "rủi ro", "nên", "có thể sẽ" và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai. Mặc dù Vinatex tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng Vinatex không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chính xác và Vinatex xin lưu ý các nhà đầu tư không nên tin tưởng quá mức vào các tuyên bố đó.

Ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, Vinatex không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản Công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản Công bố thông tin.

PHẦN II. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

1. Giới thiệu chung về tổ chức chào bán

Tên đầy đủ: Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Tên tiếng Anh: Vietnam National Textile and Garment Group
Tên viết tắt: Vinatex
Địa chỉ: 25 Bà Triệu và 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84.4) 3825 7700
Fax: (84.4) 3826 2269
Website: Vinatex.com.vn
Email: Info@Vinatex.com.vn
Quyết định thành lập: 316/2005/QĐ-TTg ngày 02/12/2005
Giấy CNĐKDN số: 0100100008, đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, thay đổi lần thứ 01 ngày 31/12/2013

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- ☒ Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, đầu tư: Sản phẩm Dệt May thời trang, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, hóa chất, thuốc nhuộm, thiết bị phụ tùng ngành Dệt May thời trang;
- ☒ Đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ: đào tạo nghề dệt, sợi, nhuộm, may công nghiệp, nghề cơ khí, bảo trì, tài chính kế toán, tin học, quản lý doanh nghiệp Dệt May ...
- ☒ Dịch vụ: Giám định, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và nguyên phụ liệu Dệt May, giống bông, giống cây trồng; Đầu tư và kinh doanh: Cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, đô thị, xử lý môi trường, chợ, siêu thị; Tư vấn, thiết kế, lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực Dệt May, môi trường.

Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- ☒ Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu: Kinh doanh, xuất nhập khẩu, sản xuất, gia công, chế biến thực phẩm, nông, lâm, thủy hải sản, hàng tiêu dùng, điện tử, thiết bị văn phòng phẩm;
- ☒ Dịch vụ: Dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; Dịch vụ đầu tư: Thiết kế, thi công, lắp đặt phục vụ ngành công nghiệp,

xây dựng dân dụng; dịch vụ tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường, đầu tư; dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện; ủy thác mua bán xăng dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản;

- ☞ Kinh doanh tài chính: Hoạt động trung gian tài chính, đầu tư tài chính, ngân hàng, dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh môi giới chứng khoán, dịch vụ tài chính khác. Lâm đại lý thu đối ngoại tệ cho ngân hàng;
- ☞ Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam;
- ☞ Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển của Vinatex gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành Dệt May Việt Nam. Vinatex luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

2.1. Giai đoạn trước năm 2005

Năm 1995, Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp sản xuất - xuất nhập khẩu May. Sự ra đời của Tổng Công ty Dệt May Việt Nam đánh dấu mốc quan trọng trong việc thực hiện chủ trương của Chính phủ phát triển ngành Dệt May Việt Nam theo hướng xây dựng chuỗi cung ứng đầy đủ, tạo lập sức mạnh tổng hợp của Ngành, là tiền đề cho tiến trình phát triển của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Các nhiệm vụ chính của Tổng Công ty Dệt May Việt Nam bao gồm: (i) kinh doanh hàng dệt và hàng may mặc theo quy hoạch và kế hoạch phát triển Dệt và May của Nhà nước và theo yêu cầu của thị trường; (ii) nhận và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn do Nhà nước giao, gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, nhận và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh và những nhiệm vụ khác được giao; (iii) tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân trong Tổng Công ty.

2.2. Giai đoạn 2005 - 2010

Năm 2005, Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên tại Đề án thi điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam ra đời và trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh, có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại, kinh doanh đa ngành trong đó ngành kinh doanh chính là

công nghiệp Dệt May, đầu tư và kinh doanh tài chính. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới của ngành Dệt May Việt Nam.

Năm 2005, cùng với việc thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng được thành lập theo Quyết định 316/2005/QĐ-TTg ngày 2/12/2005. Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng, kết nối tạo sức mạnh tổng hợp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nói riêng và ngành Dệt May Việt Nam nói chung. Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành một tập đoàn có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại, thương hiệu mạnh và thị trường rộng khắp trong và ngoài nước.

2.3. Giai đoạn 2010 đến nay

Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Ngày 09/10/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 118/NĐ-CP phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với các mục tiêu hoạt động bao gồm: (i) Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Vinatex và vốn Vinatex đầu tư tại các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao; (ii) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn; (iii) Phát triển thành tập đoàn kinh tế có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; đảm bảo Vinatex có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, xuất nhập sản phẩm Dệt May thời trang; hình thành chuỗi cung ứng sợi – dệt – nhuộm hoàn tất – may; nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm Dệt May, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của Vinatex, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Trong suốt lịch sử phát triển gần hai thập kỷ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn là doanh nghiệp nòng cốt của ngành Dệt May Việt Nam. Tập đoàn đã tạo được chỗ đứng vững chắc tại các thị trường Dệt May lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản đồng thời mở rộng quan hệ thương mại với hơn 400 công ty tại 65 nước và khu vực khác nhau với kim ngạch xuất khẩu hàng năm chiếm hơn 15% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may cả nước. Mục tiêu tới năm 2015 Tập đoàn sẽ có sản lượng sợi đạt 181.000 tấn/năm; sản lượng vải dệt đạt 300 triệu m²; sản lượng may đạt 503 triệu sản phẩm/ năm; và tạo việc làm cho 160.000 lao động.¹

Các chặng đường phát triển

29-04-1995 Tổng Công ty Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/TTg của Thủ tướng Chính phủ

¹ Nguồn: Vinatex

- 02-12-2005** Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thi điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam
- Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
- 05/06/2010** Chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu tại Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
- 09/10/2013** Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị định số 118/2013/NĐ-CP
- 08/02/2013** Đề án tái cấu trúc Vinatex giai đoạn 2013-2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 320/QĐ-TTg

3. Các thành tích đã đạt được trong hai năm gần đây

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, thành tựu của Vinatex và các đơn vị thành viên đã nhiều lần được chính phủ và các bộ, ngành ghi nhận bằng nhiều giải thưởng cao quý. Dưới đây là một số thành tích của Vinatex và các công ty con 100% vốn nhà nước nhận được trong hai năm gần đây:

3.1. Các thành tích của Công ty Mẹ

- ☞ Năm 2012: Cờ thi đua của Chính phủ theo Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 08/01/2013
- ☞ Năm 2013: Cờ thi đua của Chính phủ theo Quyết định số 134/QĐ-TTg ngày 17/01/2014

3.2. Các thành tích của các công ty con 100% vốn cổ phần hóa cùng Công ty Mẹ

3.2.1. Cty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

- ☞ Năm 2012 được tặng Cờ thi đua của Bộ Công Thương theo Quyết định số 75/QĐ-BCT ngày 07/01/2013
- ☞ Năm 2013 được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 07/3/2013
- ☞ Năm 2013 được tặng Cờ thi đua của Chính phủ theo Quyết định số 134/QĐ-TTg ngày 17/01/2014
- ☞ Năm 2013 được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất theo Quyết định số 769/QĐ-CTN ngày 07/4/2014

3.2.2. Cty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

- ☞ Năm 2012 được tặng Cờ thi đua của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 08/QĐ-TĐ DMVN ngày 08/01/2013
- ☞ Năm 2013 được tặng Cờ thi đua của Bộ Công Thương theo Quyết định số 193/QĐ-BCT ngày 08/01/2014

3.2.3. Cty TNHH MTV Dệt 8/3

- ☞ Năm 2012 được tặng Cờ thi đua của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 08/QĐ-TĐ DMVN ngày 08/01/2013
- ☞ Năm 2012 được tặng Bằng khen của Bộ Công Thương theo Quyết định số 76/QĐ-BCT ngày 07/01/2013

3.2.4. Cty TNHH MTV Thương mại Thời Trang Dệt may Việt Nam

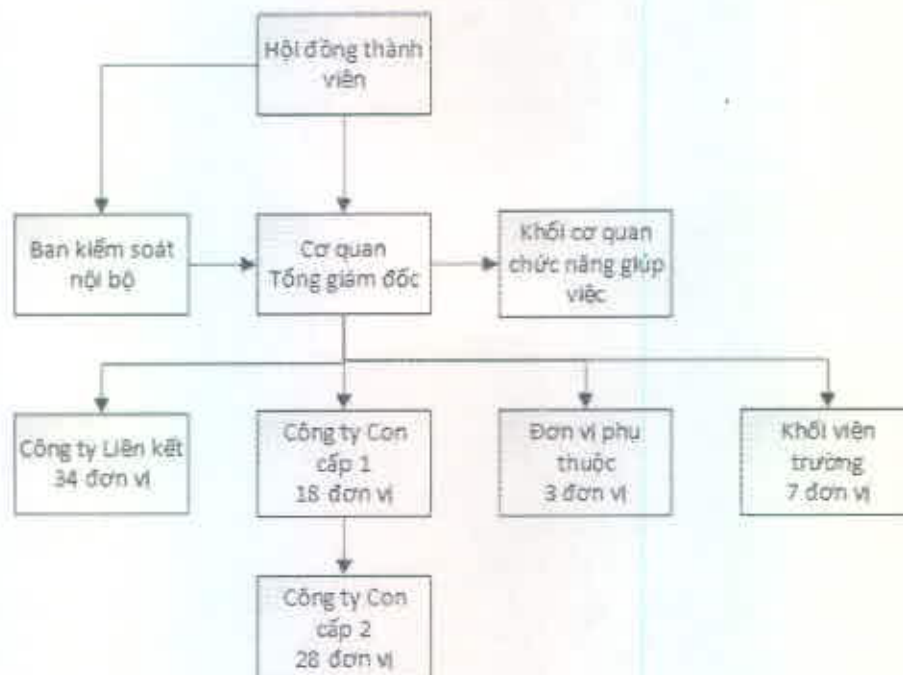
- ☞ Năm 2012 được tặng Cờ thi đua của Tập đoàn DMVN theo Quyết định số 08/QĐ-TĐ DMVN ngày 08/01/2013
- ☞ Năm 2012 được tặng Bằng khen của Bộ Công Thương theo Quyết định số 76/QĐ-BCT ngày 07/01/2013

4. Cơ cấu tổ chức và các đơn vị thành viên

4.1. Cơ cấu tổ chức của Vinatex

Vinatex được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với cơ cấu tổ chức trước cổ phần hóa như sau:

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Vinatex thời điểm trước cổ phần hóa



Nguồn: Vinatex

Vinatex hiện có 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc, trong đó 2 xí nghiệp sản xuất và 01 trung tâm xử lý nước thải; 07 đơn vị sự nghiệp; 18 công ty con cấp 1 trong đó có 04 công ty do Vinatex sở hữu 100% vốn; 28 công ty con cấp 2; 34 công ty liên kết.

4.2. Các đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc

4.2.1. Trung tâm Xử lý Nước thải Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối

Tên đơn vị: Trung tâm Xử lý Nước thải Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Yên Mỹ, Hưng Yên
Lĩnh vực hoạt động: Xử lý nước thải công nghiệp

Trung tâm Xử lý Nước thải công nghiệp Dệt May Phố Nối được khởi công xây dựng từ năm 2004, đến cuối năm 2005 đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01 năm 2006. Với diện tích 1,2ha, công suất thiết kế 10.000m³/ngày đêm. Trung tâm chủ yếu xử lý nước thải cho các Công ty, đơn vị trong Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối và có thể mở rộng nâng công suất lên 16.000 – 18.000 m³/ngày đêm nếu trong tương lai khi các công ty trong Khu Công nghiệp nâng công suất sản xuất và giai đoạn 2 của Khu Công nghiệp được phủ kín.

Thông qua Chương trình MILIEV, Chính phủ Hà Lan đã viện trợ không hoàn lại cho dự án 35% số vốn tương đương 1.389.492 EUR. Tổng mức đầu tư xây dựng Trung tâm là 86,9 tỷ đồng.

4.2.2. Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng

Tên đơn vị: Chi nhánh - Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng
Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất hàng may mặc

Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng được thành lập năm 2007 với sản phẩm Dệt May chính là veston, với tổng mức đầu tư là 75 tỷ đồng, bao gồm 02 xưởng riêng biệt là xưởng Nhật và xưởng Châu Âu. Hiện tại tổng công suất của Xí nghiệp đang ở mức 475 nghìn sản phẩm Veston/năm, đạt tiêu chuẩn của các đối tác nước ngoài.

4.2.3. Xí nghiệp may Vinatex Quảng Ngãi

Tên đơn vị: Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Xí nghiệp may Vinatex Đà Nẵng
Địa chỉ: Đường số 6 Lô C6 Khu công nghiệp Tịnh Phong – Xã Tịnh Phong – huyện Sơn Tịnh – tỉnh Quảng Ngãi
Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục, kinh doanh vải, hàng may sẵn

Xí nghiệp may Vinatex Đà Nẵng, trước đây nhà máy may xuất khẩu Đại Cát Tường – tỉnh Quảng Ngãi, và trở thành chi nhánh của Vinatex từ cuối năm 2013. Xí nghiệp hiện có 850 lao động và 17 chuyền may với công suất thực tế 3,6 triệu sản phẩm/năm, tổng vốn đầu tư 72 tỷ đồng.

4.3. Các công ty con 100% vốn

4.3.1. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân
Trụ sở: Số 524 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
Giấy CNĐKDN số: 0100100583 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/04/2011
Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh vải, xuất nhập khẩu sản phẩm, nguyên phụ liệu hàng may mặc, máy móc, thiết bị, phụ tùng, hóa chất phục vụ ngành Dệt May

Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông xuân (*Nhà máy Dệt kim Đông xuân trước đây*) với tên giao dịch DOXIMEX, được thành lập từ năm 1959. Công ty là doanh nghiệp Nhà nước đầu tiên của ngành Dệt kim Việt Nam, với dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh từ dệt, xử lý hoàn tất vải, cắt, may, in, thêu trên dây chuyền thiết bị Châu Âu và công nghệ sản xuất của Nhật Bản. Các sản phẩm của Công ty đáp ứng yêu cầu chất lượng cao, đặc biệt là sản phẩm dệt

kim 100% cotton và các sản phẩm pha sợi tổng hợp biến tính tỷ lệ thấp được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng, giữ được uy tín trong hơn 50 năm qua.

4.3.2. Công ty TNHH MTV Dệt 8/3

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Dệt 8/3
Trụ sở: Số 460 Minh Khai - phường Vĩnh Tuy - quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ: 183.225.760.121 đồng
Giấy CNĐKDN số: 0100100086 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2005, đăng lý thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2011
Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm sợi, vải dệt thoi, sản phẩm may...

Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 (Nhà máy Dệt 8/3 trước đây) được thành lập từ ngày 08/03/1965. Trải qua gần 50 năm hình thành và phát triển, Công ty hiện là đơn vị có năng lực dệt và xử lý nhuộm hoàn tất lớn trong Tập đoàn. Với 02 công ty con và 02 nhà máy tại Hà Nội và Hưng Yên, Công ty đang được đầu tư để trở thành đơn vị nòng cốt trong chuỗi sản xuất liên tục (cả dệt thoi và dệt kim) của Tập đoàn tại khu vực phía Bắc.

4.3.3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương
Trụ sở: Số 21 Thoại Ngọc Hầu, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
Giấy CNĐKDN số: 0310446158 (số cũ là 102541) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/04/1993, đăng lý thay đổi lần thứ 03 ngày 16/10/2010
Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất sợi; Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại vải dệt kim, sản phẩm Dệt May, thời trang. Đầu tư, xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp; kinh doanh kho bãi...

Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương (Dopimex) tiền thân là một xưởng sản xuất dệt kim được thành lập giữa năm 1972 với hệ thống máy móc thiết bị và các loại máy dệt kim đơn dọc hiện đại nhập từ Hoa Kỳ. Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, sản phẩm dệt kim của Dopimex trong nhiều năm qua đã quen thuộc với thị trường Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó Công ty cũng đã và đang đẩy mạnh việc xuất khẩu hàng ra thị trường quốc tế.

4.3.4. Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam

Tên công ty:	Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam
Trụ sở:	Số 02 Hoàng Việt, phường 04, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ:	215.000.000.000 đồng
Giấy CNĐKDN số:	0309959793 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/05/2010, đăng lý thay đổi lần thứ 7 ngày 23/04/2013
Lĩnh vực hoạt động:	Bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, chủ lực là sản phẩm thời trang Dệt May

Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam tiền thân là hệ thống siêu thị Vinatexmart, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Dệt may Việt Nam, được thành lập từ ngày 10/10/2001 với nhiệm vụ cốt lõi là khai thác, phân phối, phát triển kinh doanh sản phẩm Dệt May thời trang mang thương hiệu Việt Nam tại thị trường nội địa. Với phương châm "**Đồng hành cùng hàng Việt**", Vinatexmart luôn ưu tiên khai thác sản phẩm mang thương hiệu Việt, hơn 90% sản phẩm được bày bán tại hệ thống là hàng được sản xuất tại Việt Nam, trong đó 100% sản phẩm Dệt May là hàng nội địa. Hiện nay Vinatexmart đang kinh doanh khoảng 60.000 mặt hàng tiêu dùng thiết yếu với hệ thống trên 50 điểm bán hàng.

4.4. Các công ty con từ 51% đến dưới 100% vốn tại thời điểm 31/12/2013

Bảng 1. Danh sách các công ty con cấp I Vinatex sở hữu 51% đến dưới 100%

Tên công ty	Vốn điều lệ (Đơn vị: VND)	Tỷ lệ sở hữu của Vinatex
CTCP Sản Xuất – Kinh doanh nguyên liệu Dệt May	47.599.279.263	68,89%
CTCP Đầu tư phát triển Vinatex	48.000.000.000	53,13%
CTCP Vinatex Hồng Lĩnh*	80.000.000.000	78,14%
Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	205.000.000.000	57,57%
Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	136.000.000.000	53,67%
Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	150.000.000.000	71,62%
CTCP Dệt May Huế	49.995.570.000	65,54%
CTCP Len Việt Nam	41.000.000.000	67,15%
CTCP Bông Việt Nam	50.000.000.000	55%
CTCP Sợi Phú Bài	14.100.000.000	66,5%
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam**	500.000.000.000	64,10%
CTCP Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu Dệt May	42.797.630.000	68,34%
CTCP Hợp tác lao động và Thương mại**	6.000.000.000	56,94%
CTCP Phát triển hạ tầng Dệt May Phố Nối	80.000.000.000	51%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013 của Vinatex

Ghi chú: *Tỷ lệ sở hữu của Vinatex bao gồm cả tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp
** Vinatex đang thực hiện các thủ tục để thoái vốn tại các công ty con này

Ngoài các công ty con cấp 1 nói trên, Vinatex còn có 28 công ty con cấp 2, chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

5. Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu

5.1. Hoạt động đầu tư vốn

Là công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, hoạt động đầu tư vào các công ty trong ngành Dệt May là hoạt động chính của Vinatex. Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, liên doanh cũng như các khoản đầu tư dài hạn khác hiện chiếm 84,6% vốn điều lệ của Vinatex. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển Vinatex theo mô hình công ty mẹ chuyên đầu tư với vai trò định hướng, quản lý và chi phối các công ty con thông qua vốn; đồng thời giữ được vai trò chủ đạo trong việc điều phối, kết nối các mối quan hệ kinh tế trong tổ hợp các công ty của Tập đoàn cũng như tập trung vào các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường.

Danh mục đầu tư tại thời điểm 31/12/2013 của Vinatex bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh, đầu tư dài hạn. Cụ thể như sau:

Bảng 2: Cơ cấu các khoản đầu tư của Vinatex tại thời điểm 31/12/2013

	Giá trị sổ sách
	Triệu VNĐ
Đầu tư ngắn hạn	137.977
Đầu tư vào công ty con	1.484.027
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.269.675
Đầu tư dài hạn khác	511.850
Tổng	3.403.529

Nguồn: BCTC Kiểm toán của Vinatex năm 2013

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, hiện tại Vinatex đang đầu tư vào một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, quỹ đầu tư, bất động sản,... Hiện nay Tập đoàn đang triển khai lộ trình để thoái vốn đầu tư để tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Vinatex, dự kiến đến hết năm 2014 Vinatex sẽ hoàn thành việc thoái vốn 21/37 khoản đầu tư, dự kiến thu hồi 917 tỷ đồng (giá trị sổ sách) tương đương 85% giá trị vốn cần thoái theo Quyết định 320/QĐ-TTg.

5.2. Sản phẩm dịch vụ ngành Dệt May

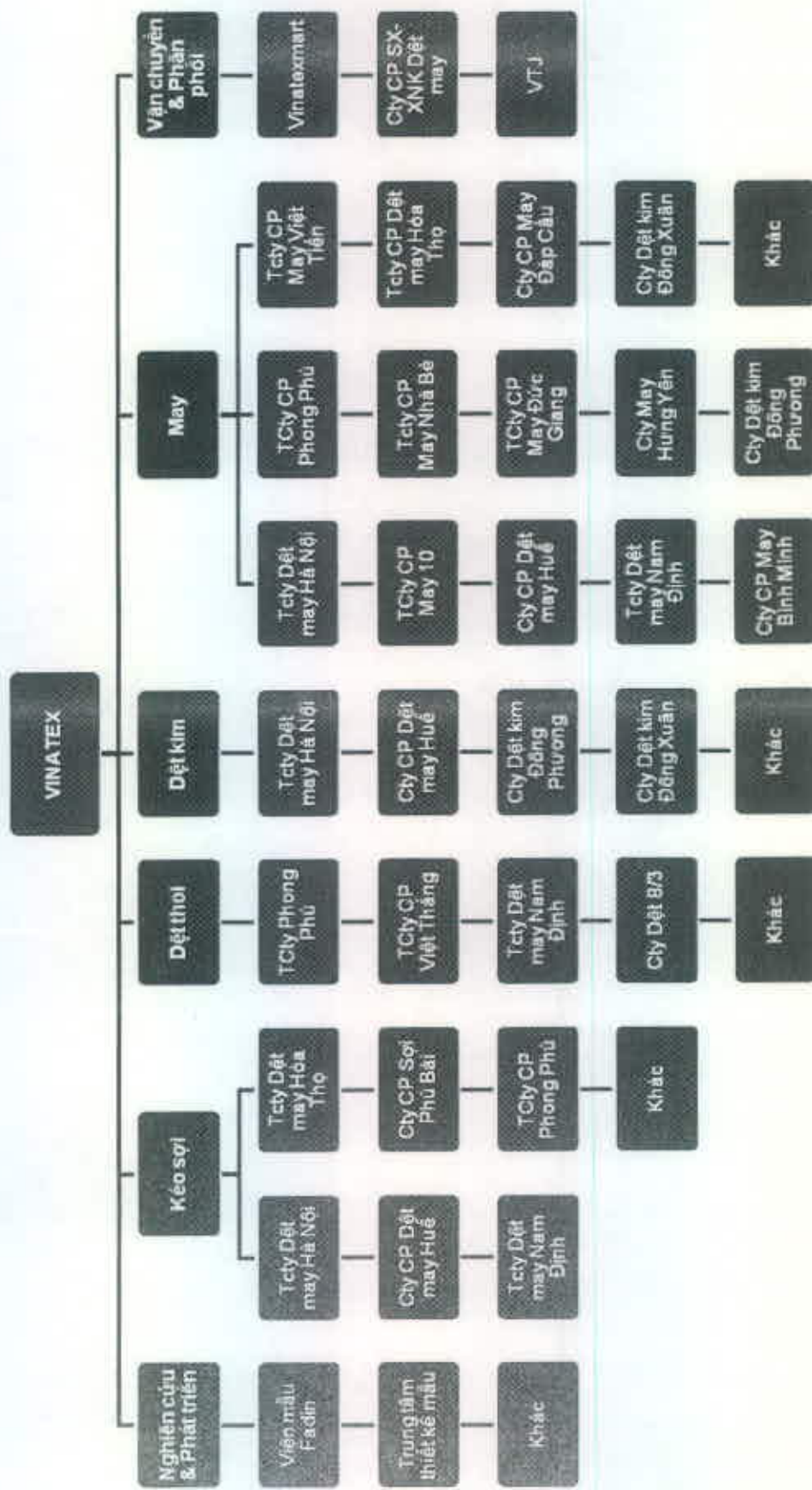
Là đơn vị kinh doanh chủ đạo trong ngành Dệt May Việt Nam, sản phẩm dịch vụ của Tập đoàn bao gồm nhiều nhóm sản phẩm, dịch vụ trong chuỗi cung ứng đầy đủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối sản phẩm dệt, may, đó là:

- ☒ Nhóm sản phẩm sợi
- ☒ Nhóm sản phẩm dệt thoi
- ☒ Nhóm sản phẩm dệt kim
- ☒ Nhóm sản phẩm may
- ☒ Nhóm nghiên cứu và phát triển

Với Vinatex, là công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bên cạnh các sản phẩm, dịch vụ trong chuỗi cung ứng, do Vinatex trực tiếp thực hiện hoặc thông qua các đơn vị thành viên, Vinatex thực hiện nghiên cứu công nghệ, thiết kế và đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Dệt May Việt Nam thông qua hệ thống khối 07 đơn vị viện, trường.

Đối với từng nhóm sản phẩm, dịch vụ, tùy theo năng lực sản xuất và nhu cầu của thị trường của từng đơn vị mà các sản phẩm cụ thể có thể khác nhau về đặc điểm quy cách (tiêu chuẩn cơ lý, cường lực vải sợi, màu sắc, độ bền,...), chất lượng, mẫu mã và thiết kế. Chính sự đa dạng, phong phú này đã giúp cho sản phẩm của Tập đoàn có thể đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

Bảng 3. Sơ đồ sản phẩm, dịch vụ của Vinatex theo nhóm²



² Lưu ý: bản sơ đồ đưa ra phân loại theo đầu ra sản phẩm thương mại của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp trong khối thực hiện các chu trình sợi dệt, nhuộm, may trong chuỗi sản xuất

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

1.1.1. Sản lượng sản phẩm của Tập đoàn

Với vai trò nòng cốt trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Vinatex cùng với các công ty trong Tập đoàn tạo thành chuỗi cung ứng đầy đủ bao gồm toàn bộ các khâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối sản phẩm dệt, may. Ngoài hoạt động kinh doanh chính, Vinatex còn thực hiện chức năng đầu mối hoạch định và thực hiện chiến lược của Tập đoàn, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp Dệt May, điều phối liên kết các công ty con, kết nối các mối quan hệ, các liên kết kinh tế trong tổ hợp do công ty mẹ thành lập, phát triển thị trường mới,...

Bảng 4. Sản lượng các mặt hàng của Tập đoàn giai đoạn 2009 - 2013

		2009	2010	2011	2012	2013 ³
Sợi toàn bộ	1.000 tấn	93,8	98,5	100,5	100,6	111,8
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		5,0%	2,0%	0,1%	11,1%
Vải các loại	Triệu m ²	140,8	147,8	155,2	165,9	161,4
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		5,0%	5,0%	6,9%	-2,7%
Sản phẩm may các loại	Triệu SP	143,5	157,8	173,6	186,9	210,0
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		10,0%	10,0%	7,7%	12,4%

Nguồn: Vinatex

1.1.2. Sản lượng sản phẩm của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước

Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân (Doximex)

Với hai sản phẩm chính là vải dệt kim và quần áo dệt kim, trong giai đoạn 2009 – 2013, Doximex đã cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước bình quân 1.190 tấn vải/năm. Sản lượng quần áo đạt 10,980 triệu sản phẩm/năm, đạt mức tăng trưởng bình quân 9,94%/năm.

Sản phẩm may mặc dệt kim đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống sản phẩm của Công ty, chiếm tỷ trọng chính trong doanh thu và lợi nhuận gộp của Doximex (chiếm 99,0%% doanh thu và 98,9%% lợi nhuận).

Bảng 5: Sản lượng sản xuất của Doximex giai đoạn 2009 – 2013

		2009	2010	2011	2012	2013
Vải dệt kim	Tấn	1.201	1.107	1.198	1.286	1.161

³Ước thực hiện

Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		-7,8%	8,2%	7,3%	-9,7%
Sản phẩm may mặc	Triệu SP	8.607	9.702	11.720	11.755	13.114
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		12,7%	20,8%	0,3%	11,6%

Nguồn: Doximex

Bảng 6: Doanh thu của Doximex giai đoạn 2009 – 2013 theo sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Sản phẩm dệt kim	4.649	3.766	4.591	2.213	2.858
Sản phẩm may mặc	220.496	256.920	375.173	394.373	471.161
Sản phẩm khác	403	716	1.577	909	1.785
Tổng	225.548	261.402	381.341	397.495	475.804

Bảng 7: Lợi nhuận gộp của Doximex giai đoạn 2009 – 2013 theo sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Sản phẩm dệt kim	731	347	746	723	948
Sản phẩm may mặc	35.811	34.337	73.861	71.787	93.866
Sản phẩm khác	307	373	310	(239)	10
Tổng	36.849	35.057	74.917	72.271	94.824

Nguồn: Vinatex

Công ty TNHH MTV Dệt 8/3

Trước năm 2011, Công ty tập trung thực hiện công tác di dời theo chủ trương của Chính phủ ra các khu công nghiệp nên hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có nhiều biến động lớn do công ty không thực hiện việc đầu tư chiều sâu cũng như đầu tư phát triển.

Hiện nay, Công ty đang triển khai chiến lược lấy ODM (Original design manufacturer) làm trọng tâm và xây dựng chuỗi sản xuất cung ứng từ sợi – dệt - nhuộm - may để cung cấp cho khách hàng giải pháp trọn gói.

Bảng 8. Sản lượng sản xuất của 8/3 giai đoạn 2009 – 2013

	Đơn vị tính	2009	2010	2011	2012	2013
Sợi	tấn	2.551	1.508	26	105	157,86
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		-41%	-98%	301%	50%
Vải dệt	Triệu m2	1.830	1.609	83	1.589	2.262
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		-12%	-95%	1807%	42%
May	Sản Phẩm	161.660	113.020	58.500	79.440	
Tỷ lệ tăng trưởng	%		-30%	-48%	36%	-100%

Nguồn: Dệt 8/3

Bảng 9: Doanh thu của Dệt 8/3 giai đoạn 2009 – 2013 theo sản phẩm

	Đơn vị: triệu đồng				
	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh thu sợi	89.281	52.766	920	5.273	7.893
Doanh thu vải	54.893	48.264	2.500	47.667	67.857
Doanh thu may	8.083	5.651	2.925	3.972	
Doanh thu khác	944	1.206	460	97.154	4.693
Tổng doanh thu	153.201	107.887	6.805	154.066	80.443

Nguồn: Dệt 8/3

Bảng 10: Lợi nhuận gộp của Dệt 8/3 giai đoạn 2009 – 2013 theo sản phẩm

	Đơn vị: triệu đồng				
Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013
Lợi nhuận gộp sợi	6.231	(6.493)	(1.571)	(1.121)	1.071
Lợi nhuận gộp sợi vải	3.831	(5.939)	(4.269)	(6.900)	(3.998)
Lợi nhuận gộp may	564	(695)	(4.995)	(1.100)	
Lợi nhuận gộp khác	66	(148)	(786)	3.500	884
Tổng lợi nhuận gộp	10.692	(13.275)	(11.621)	(5.621)	(2.043)

Nguồn: Dệt 8/3

Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương (Dopimex)

Sản phẩm chính của công ty bao gồm mặt hàng sợi xe và vải dệt kim, trong đó sợi xe mới đi vào hoạt từ năm 2012, với tốc độ tăng trưởng sản lượng 36% trong 2 năm 2012-2013. Sản lượng vải dệt kim có xu hướng giảm (giảm 20% trong thời kỳ 2009 – 2013). Doanh thu vải dệt kim vẫn đóng góp vai trò chủ đạo, tuy nhiên đang giảm dần trong lợi nhuận và cơ cấu Dopimex giai đoạn 2009- 2013.

Bảng 11. Sản lượng sản xuất của Dopimex giai đoạn 2009 – 2013

	Đơn vị: triệu đồng					
	Đơn vị tính	2009	2010	2011	2012	2013
Sản phẩm Sợi xe	tấn				1.674	2.325
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%					39%
Vải dệt kim	tấn	3.803	3.706	4.256	2.249	3.067
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		-3%	15%	-47%	36%
Các loại SP khác	tấn	1.102	572	461	88	111
Tỷ lệ tăng trưởng (yoy)	%		-48%	-19%	-81%	26%

Nguồn: Dopimex

Bảng 12. Doanh thu của Dopimex 2009 – 2013 theo sản phẩm

	Đơn vị: triệu đồng				
	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh thu sợi xe				48.956	72.613

Doanh thu vải dệt kim	58.682	67.889	91.755	84.992	105.751
Doanh thu khác	78.958	44.606	83.256	61.152	87.606
Tổng doanh thu	137.640	112.495	175.011	195.100	265.970

Nguồn: Dopimex

Bảng 13. Lợi nhuận Dopimex 2009 – 2013 theo sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Lợi nhuận sợi xe				4.124	12.408
Lợi nhuận vải dệt kim	1.779	(3.485)	6.576	6894	10.846
Lợi nhuận khác	12.591	(2.326)	11.197	910	(1.562)
Tổng lợi nhuận gộp	14.370	(5.811)	17.773	11.928	21.341

Nguồn: Dopimex

Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam

Với hoạt động chính là kinh doanh bán lẻ các sản phẩm Dệt May Việt Nam thông qua chuỗi các cửa hàng thuộc Hệ thống Siêu thị Vinatexmart, các sản phẩm tiêu thụ của Công ty được chia thành các mặt hàng theo các nhóm đối tượng khác nhau như thời trang nam, thời trang nữ, thời trang trẻ em, sản phẩm đồ gia dụng từ vải, đồ gia dụng và các sản phẩm hàng hóa khác.

Các sản phẩm thời trang là sản phẩm kinh doanh chủ yếu của Vinatexmart, chiếm trung bình 54% lợi nhuận gộp của Công ty, trong đó sản phẩm thời trang nam đóng góp 24%, nữ 18% và trẻ em 12%. Các sản phẩm thời trang đều có tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu trung bình xấp xỉ 20% trong thời kỳ 2009-2013.

Bảng 14. Doanh thu và lợi nhuận của Vinatexmart giai đoạn 2009 – 2013 theo sản phẩm

Đơn vị: triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Doanh thu thời trang nữ	142.432	177.089	194.394	188.809	167.965
Doanh thu thời trang nam	183.809	227.661	270.538	268.745	255.379
Doanh thu thời trang trẻ em	92.508	113.102	139.395	135.512	109.860
Doanh thu đồ gia dụng	71.962	89.668	118.625	136.653	111.929
Doanh thu sản phẩm khác	498.254	657.614	923.973	1.068.953	1.053.717

Nguồn: Vinatexmart

Bảng 15: Lợi nhuận gộp của Vinatexmart giai đoạn 2009 – 2013 theo sản phẩm

	2009	2010	2011	2012	2013
Lợi nhuận gộp thời trang nữ	33.078	41.463	48.781	41.726	34.024
Lợi nhuận gộp thời trang nam	40.382	48.183	63.080	59.301	50.598
Lợi nhuận gộp thời trang trẻ em	21.618	26.259	33.508	28.918	23.322
Lợi nhuận gộp đồ gia dụng	9.891	11.915	18.565	22.222	16.403
Lợi nhuận gộp sản phẩm khác	64.160	71.786	100.254	113.466	83.080

Nguồn: Vinatexmart

1.1.3. Thu nhập từ cổ tức, các khoản lợi nhuận được chia

Là công ty mẹ - Tập đoàn, hiện giá trị các khoản đầu tư, góp vốn của Vinatex tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác lên tới hơn 3.265 tỷ đồng, tương đương gần 76,1% vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2013. Trong giai đoạn 2009 – 2013, tốc độ tăng trưởng thu nhập từ cổ tức và các khoản lợi nhuận được chia đạt trung bình 16,8%/năm. Năm 2013, thu nhập từ cổ tức và các khoản lợi nhuận được chia là 322 tỷ đồng, tương đương 11,4% tổng giá trị đầu tư vào các công ty con, các công ty liên doanh liên kết, và xấp xỉ 10% tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Bảng 16. Thu nhập cổ tức bằng tiền mặt và các khoản lợi nhuận được chia giai đoạn từ một số đơn vị thành viên giai đoạn 2009 – 2013

Đơn vị: Triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Công ty CP Dệt May Hòa Thọ	3.801	10.842	24.005	21.485	21.485
TCT CP Phong Phú	46.800	52.000	52.000	61.100	48.116
TCT CP Dệt May Hà Nội	7.082	14.163	-	7.082	7.082
TCT CP Việt Thắng	10.220	18.250	19.710	19.710	29.565
TCT CP May 10	3.847	8.286	5.327	5.327	5.327
CTCP Sợi Phú Bài	550	8.092	6.833	8.351	⁴
TCT CP Dệt May Nam Định	4.380	7.300	8.030	5.110	8.760
TCT May Đồng Nai	3.451	1.022	4.088	4.600	4.600
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	295	5.375	3.342	6.554	9.830
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	-	2.750	5.500	4.125	3.300
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	1.680	1.956	3.071	5.632	3.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	-	-	1.000	5.561	2.673
TCT Đức Giang	3.432	4.385	⁵	14.128	6.822
TCT Cổ phần May Việt Tiến	12.187	9.750	33.515	⁶	67.030
TCT Cổ phần May Hưng Yên	11.640	4.340	8.680	8.680	18.358
Tổng thu nhập cổ tức & lợi nhuận được chia	173.185	234.253	230.725	260.537	322.234

Nguồn: BCTC của Vinatex đã kiểm toán năm 2009-2013, Vinatex

⁴ Cổ tức năm 2013 là 8,35 tỷ sẽ được ghi nhận vào năm 2014

⁵ Cổ tức năm 2011 được ghi nhận vào năm 2012

⁶ Cổ tức năm 2012 được ghi nhận trong năm 2013

1.2. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu và ảnh hưởng của tính ổn định của nguồn nguyên vật liệu chỉ có tác động trực tiếp lên các đơn vị thành viên của Vinatex, từ đó ảnh hưởng gián tiếp lên kết quả kinh doanh của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Phần lớn bông của các đơn vị thành viên của Tập đoàn phải nhập khẩu do diện tích trồng bông trong nước còn hạn chế. Hoạt động sản xuất và kinh doanh bông của Tập đoàn Vinatex chủ yếu đến từ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam. Năm 2013, sản lượng bông sản xuất của CTCP Bông Việt Nam là 313 tấn trong khi nhu cầu nhập khẩu bông năm 2013 của toàn Tập đoàn là hơn 70 ngàn tấn. Để chủ động hơn nguồn nguyên vật liệu nhằm tận dụng lợi thế TPP mang lại, Tập đoàn đã và đang nghiên cứu triển khai nhiều dự án phát triển nguồn cây nguyên liệu.

Về nguồn nguyên liệu sợi, các công ty thành viên trong Tập đoàn hầu như không phải nhập khẩu sợi. Một lượng nhỏ sợi được nhập khẩu từ Ấn Độ, Pakistan, Trung Quốc là do các yêu cầu về sợi chỉ số cao, sản xuất trong nước chưa đáp ứng được.

1.3. Chi phí sản xuất

1.3.1. Chi phí sản xuất của Vinatex

Bảng 17: Chi phí sản xuất tại Vinatex giai đoạn 2012 - 2013

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu và thu nhập	1.277.772	851.002	447.681	468.602	540.022
Doanh thu thuần	1.020.577	489.149	99.513	116.380	115.976
Giá vốn hàng bán	808.383	379.354	66.862	72.394	79.121
% Doanh thu thuần	79%	78%	67%	62%	68%
Chi phí tài chính	21.077	10.921	1.816	27.385	64.496
% Doanh thu thuần	2,1%	2,2%	1,8%	23,5%	55,6%
Chi phí bán hàng	150.695	62.747	694	44	154
% Doanh thu thuần	14,8%	12,8%	0,7%	0,0%	0,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	94.600	194.220	158.585	150.133	161.317
% Doanh thu thuần	9,3%	39,7%	159,4%	129,0%	139,1%
Chi phí khác	577	918	7.344	1.953	1.298
% Doanh thu thuần	0,1%	0,2%	7,4%	1,7%	1,1%
Tổng chi phí	1.075.331	648.160	231.669	251.909	306.386
% Doanh thu thuần	105,4%	132,5%	232,8%	216,5%	264,2%

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn: BCTC của Vinatex đã kiểm toán năm 2009-2013

Cơ cấu chi phí của Tập đoàn giảm mạnh trong năm 2010 do từ tháng 05 năm 2010, Công ty Kinh doanh hàng Thời trang là đơn vị hạch toán phụ thuộc đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Dệt May Thời Trang Việt Nam (Vinatexmart) có tư cách pháp nhân riêng nên chi phí của Vinatexmart không được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng của Vinatex. Ngoài

chi phí quản lý doanh nghiệp (chiếm tỷ trọng lớn nhất trong thời kỳ 2011 – 2013) và giá vốn (chiếm tỷ trọng lớn thứ 2), Vinatex hầu như không có chi phí tài chính do tài khoản nợ tương đối nhỏ.

1.3.2. Chi phí sản xuất của các đơn vị thành viên, các công ty con 100% vốn

Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

Chi phí hoạt động của công ty khá ổn định. Cơ cấu chi phí giá vốn/doanh thu có xu hướng giảm qua các năm. Đây là kết quả của định hướng nâng dần tỷ trọng FOB, nâng cao giá trị gia tăng và và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bảng 18: Chi phí sản xuất của Doximex giai đoạn 2009-2013

Đơn vị: Triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu và thu nhập	226.204	262.067	382.380	398.773	477.432
Doanh thu thuần	218.661	253.852	377.847	396.326	473.614
Giá vốn hàng bán	182.119	219.169	303.240	324.055	378.800
% Doanh thu thuần	83,29%	86,34%	80,25%	81,76%	79,98%
Chi phí tài chính	9.525	9.757	17.335	16.990	17.096
% Doanh thu thuần	4,36%	3,84%	4,59%	4,29%	3,61%
Chi phí bán hàng	15.460	11.242	26.364	23.331	33.953
% Doanh thu thuần	7,07%	4,43%	6,98%	5,89%	7,17%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.317	17.147	28.196	30.371	34.026
% Doanh thu thuần	7,00%	6,75%	7,46%	7,66%	7,18%
Chi phí khác	96	343	107	370	814
% Doanh thu thuần	0,04%	0,14%	0,03%	0,09%	0,17%
Tổng chi phí	222.517	257.658	375.242	395.117	464.689
% Doanh thu thuần	101,76%	101,50%	99,31%	99,69%	98,12%

Nguồn: BCTC của Dệt kim Đông Xuân đã kiểm toán năm 2009-2013

Công ty TNHH MTV Dệt 8/3

Trong giai đoạn 2010 – 2012, Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 đang trong quá trình di dời địa điểm sản xuất, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào bị ảnh hưởng. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn này chưa phản ánh đầy đủ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện tại toàn bộ phần di dời máy móc, thiết bị dệt đã hoàn thành và được vận hành, khai thác từ tháng 02/2013. Công ty cũng đang tiến hành xây dựng các dự án đầu tư mới để hình thành chuỗi cung ứng ODM.

Bảng 19: Chi phí sản xuất của Dệt 8/3 giai đoạn 2009-2013

Đơn vị: Triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu và thu nhập	167.644	151.256	294.345	200.357	207.588
Doanh thu thuần	153.202	107.888	6.805	154.068	170.763
Giá vốn hàng bán	142.509	121.163	18.427	159.690	164.962
% Doanh thu thuần	93,02%	112,30%	270,79%	103,65%	96,60%
Chi phí tài chính	12.755	12.597	25.245	4.643	4.635
% Doanh thu thuần	8,33%	11,68%	370,98%	3,01%	2,71%
Chi phí bán hàng	973	1.088	702	2.070	3.334
% Doanh thu thuần	0,64%	1,01%	10,32%	1,34%	1,95%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.958	7.653	16.600	6.404	14.750
% Doanh thu thuần	5,19%	7,09%	243,94%	4,16%	8,64%
Chi phí khác	3.294	8.507	158.720	38.389	18.480
% Doanh thu thuần	2,15%	7,89%	2332,40%	24,92%	10,82%
Tổng chi phí	167.489	151.008	219.694	211.196	206.161
% Doanh thu thuần	109,33%	139,97%	3228,42%	137,08%	120,73%

Nguồn: BCTC của Dệt 8/3 đã kiểm toán năm 2009-2012; BCTC hợp nhất của Dệt 8 -3 đã kiểm toán 2013

Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

Chi phí giá vốn của Công ty diễn biến theo chiều hướng giảm so với doanh thu trong thời kỳ 2010 – 2013. Xét về mặt cơ cấu, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp từ năm 2012 trở đi chỉ chiếm 7%-8% doanh thu thuần, so với giai đoạn trước là trên 15%.

Bảng 20: Chi phí sản xuất của Dopimex giai đoạn 2009-2013

Đơn vị: Triệu đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu và thu nhập	137.640	112.495	175.011	195.100	265.970
Doanh thu thuần	101.221	100.158	152.858	182.254	257.769
Giá vốn hàng bán	86.851	105.969	135.085	170.327	236.428
% Doanh thu thuần	85,80%	105,80%	88,37%	93,46%	91,72%
Chi phí tài chính	2.642	2.885	4.859	1.973	3.698
% Doanh thu thuần	2,61%	2,88%	3,18%	1,08%	1,43%
Chi phí bán hàng	3.444	3.016	3.083	1.171	2.027
% Doanh thu thuần	3,40%	3,01%	2,02%	0,64%	0,79%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.767	38.503	27.230	12.742	20.244
% Doanh thu thuần	14,59%	38,44%	17,81%	6,99%	7,85%
Chi phí khác	4.849	3.039	1.182	2.566	2.384
% Doanh thu thuần	4,79%	3,03%	0,77%	1,41%	0,92%
Tổng chi phí	112.553	153.412	171.439	188.779	264.781
% Doanh thu thuần	111,20%	153,17%	112,16%	103,58%	102,72%

Nguồn: BCTC của Dệt kim Đông Phương đã kiểm toán năm 2009-2013

Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam

Chi phí giá vốn của Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam chiếm khoảng 80% doanh thu thuần, chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng từ 15% đến 17%. Vào năm 2012, chi phí tài chính tăng do công ty thực hiện vay khoản vay dài hạn 47,6 tỷ đồng.

Bảng 21: Chi phí sản xuất của Vinatexmart giai đoạn 2009-2013

Đơn vị: Triệu đồng

	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu và thu nhập	860.552	1.650.440	1.798.972	1.699.418
Doanh thu thuần	853.572	1.630.129	1.767.532	1.677.402
Giá vốn hàng bán	679.171	1.299.901	1.428.744	1.326.927
% Doanh thu thuần	79,57%	79,74%	80,83%	79,11%
Chi phí tài chính	789	2.175	10.899	25.678
% Doanh thu thuần	0,09%	0,13%	0,62%	1,53%
Chi phí bán hàng	129.229	258.492	293.115	326.073
% Doanh thu thuần	15,14%	15,86%	16,58%	19,44%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.317	53.198	62.388	63.376
% Doanh thu thuần	3,43%	3,26%	3,53%	3,78%
Chi phí khác	374	519	800	1.674
% Doanh thu thuần	0,04%	0,03%	0,05%	0,10%
Tổng chi phí	838.880	1.614.285	1.795.946	1.743.728
% Doanh thu thuần	98,28%	99,03%	101,61%	103,95%

Nguồn: BCTC của Vinatexmart đã kiểm toán năm 2010-2013

1.4. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất/phân phối

1.4.1. Đánh giá chung về trình độ công nghệ của toàn Tập đoàn

Vinatex chỉ thực hiện hoạt động sản xuất trực tiếp tại Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng, Chi nhánh VINATEX tại Quảng Ngãi và Trung tâm xử lý nước thải Phố Nối. Các công đoạn sản xuất từ kéo sợi, dệt vải, nhuộm hoàn tất cho đến may được chủ yếu được thực hiện tại các công ty con và công ty liên kết.

Theo thống kê của Vinatex, thiết bị kéo sợi của các thành viên trong Tập đoàn đạt trình độ từ tiên tiến trở lên, chủ yếu của Châu Âu (trên 67%) và Trung Quốc (trên 30%), đa phần được sản xuất từ những năm 1995 tới nay (chiếm gần 60%). So với trình độ công nghệ chung, các thiết bị dệt vải dệt thoi đáp ứng yêu cầu sản xuất, xuất xứ châu Âu (Bỉ và Ý), sản xuất vào những năm 1995 – 2002, có khả năng nâng cấp để nâng cao chất lượng và năng suất. Thiết bị dệt vải dệt kim chủ yếu là thiết bị của Nhật (>70%), Trung Quốc và các quốc gia khác. Máy móc thiết bị được sản xuất từ những năm 1993 cho tới 2013. Trình độ công nghệ được đánh giá đạt mức tiên tiến phù hợp với nhu cầu sản xuất hiện tại. Với các thiết bị may có xuất xứ chủ yếu từ Trung Quốc, Nhật, Đài Loan, trình độ công nghệ đạt ở mức tiên tiến trở lên.

1.4.2. Trình độ công nghệ của Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng

Với sản phẩm chính là Veston bộ cao cấp, trình độ công nghệ của Xí nghiệp tương đối hiện đại so với khu vực và cơ bản đã đáp ứng tốt các yêu cầu sản xuất.

- ☞ Đa số thiết bị may của Nhà máy là các hãng của Nhật, được sản xuất tại Trung Quốc (15% sản xuất từ Nhật, chủ yếu là những thiết bị cũ trước năm 2000, 5% thiết bị sản xuất tại Đức, còn lại 80% được sản xuất tại Trung Quốc và được sản xuất từ 2005 trở lại đây).
- ☞ Hệ thống chuyền treo tại khu vực Là hoàn thiện nên rất thuận tiện cho sản xuất và tiết kiệm sức lao động cho công nhân.
- ☞ Khu vực Kho thành phẩm cũng được thiết kế sào treo hàng với quy cách chuẩn, đảm bảo an toàn chất lượng sản phẩm.

1.4.3. Trình độ công nghệ của Xí nghiệp may Vinatex Quảng Ngãi

Xí nghiệp may Vinatex Quảng Ngãi trở thành chi nhánh của Vinatex từ năm 2013, được đầu tư với 17 dây chuyền may mặc có tổng công suất thiết kế khoảng 3 triệu sản phẩm may/năm.

1.4.4. Trình độ công nghệ của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân:

Đối với xí nghiệp Xử lý hoàn tất:

- ☞ Với thiết bị hiện tại (04 thiết bị: Tẩy liên hoàn, máy Bumham, máy U, máy Cán ý) có công nghệ cũ, sử dụng lâu, công ty sẽ có kế hoạch cải tiến trong tương lai.
- ☞ Với các máy nhuộm (máy Then và 05 máy Thies của Cộng hòa Liên bang Đức sản xuất từ năm 2001 - 2009) có công nghệ khá hiện đại, đáp ứng được với nhu cầu hiện tại.
- ☞ Thiết bị hoàn tất (máy tách nước làm mềm Nhật – SX 1991) có công nghệ tương đối cũ và tạm thời chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.
- ☞ Các máy sấy rung, Santex, 02 máy Comptex, 01 máy Compact và máy định hình Bruckner là các máy có công nghệ khá hiện đại, được doanh nghiệp đánh giá là đáp ứng được nhu cầu sản xuất trong tương lai.

Đối với xí nghiệp Dệt kim:

- ☞ Hiện tại xí nghiệp Dệt kim có 135 máy dệt, trong đó có 110 máy được đưa vào sử dụng và 25 máy ít được sử dụng và đang chờ thanh lý.
- ☞ Trong số 110 máy đang đưa vào hoạt động của Xí nghiệp bao gồm các máy sản xuất từ năm 1993 đến nay (trong đó có 13 máy đã được đầu tư mới trong năm 2012 & 2013, có công nghệ phù hợp với nhu cầu sản xuất).

Đối với xí nghiệp May:

- ☒ Xí nghiệp May hiện tại bao gồm các loại máy may được sản xuất từ năm 1990 cho đến nay, xuất xứ của các loại máy này rất đa dạng, chủ yếu là của Đài Loan, Trung Quốc và Nhật Bản

Năng lực sản xuất:

- ☒ Năng lực dệt kim: 2.180 tấn/ năm.
- ☒ Năng lực nhuộm và xử lý hoàn tất: 1.800 tấn/ năm.
- ☒ Năng lực may: 11.000.000 sản phẩm/ năm.

1.4.5. Trình độ công nghệ của Công ty Dệt 8/3

Nhà máy Dệt:

- ☒ Thiết bị chuẩn bị gồm máy mắc và máy hồ của hãng Rotal - Italia sản xuất năm 1995 có trang bị các thiết bị tự động hóa và sử dụng biển tần. Mức độ hiện đại của các thiết bị này ở mức trung bình, có khả năng nâng cấp và nâng cao năng suất.
- ☒ Máy dệt của hãng Picanol – Bỉ sản xuất năm 2000 đến 2002, có 5 máy sử dụng động cơ Sumo, mức độ hiện đại trung bình. Các máy còn lại sử dụng động cơ thường, mức độ hiện đại dưới trung bình và có khả năng nâng cấp thiết bị để nâng cao năng suất.
- ☒ Các thiết bị phụ trợ: Máy nén khí Gardner, lò hơi than sản xuất năm 2012 có mức độ hiện đại khá.

Nhà máy Nhuộm:

- ☒ Các thiết bị kiểm vải tự động mức độ tự động hóa khá, các máy kiểm vải bằng tay mức độ tự động hóa trung bình.
- ☒ Thiết bị tiền xử lý bao gồm Máy đốt lông, Máy nấu tẩy, Máy làm bóng của hãng Begener – Germany sản xuất, có mức độ tự động hóa khá.
- ☒ Thiết bị nhuộm bao gồm các máy nhuộm CPB mức độ tự động hóa trung bình, có thể nâng cấp thiết bị để nâng cao chất lượng và năng suất.
- ☒ Các máy nhuộm Jigger, Jet của hãng Then – Germany sản xuất năm 2002, mức độ tự động hóa trung bình. Có thể nâng cấp thiết bị để nâng cao chất lượng và năng suất.
- ☒ Các máy nhuộm liên tục Pad Dry & Pad Steam của hãng Sando – Japan sản xuất năm 1994, mức độ tự động hóa dưới trung bình.
- ☒ Các thiết bị giặt, hoàn tất mức độ tự động hóa trung bình, có thể nâng cấp thiết bị để nâng cao chất lượng và năng suất.

Năng lực sản xuất

- ☒ Số cọc sợi: 19.824
- ☒ Năng lực dệt thoi: 8.073.000 m²/ năm
- ☒ Năng lực nhuộm và xử lý hoàn tất: 33.600.000 m²/ năm

1.4.6. Trình độ công nghệ của Công ty TNHH Dệt kim Đông Phương

Cho đến thời điểm hiện tại, công ty chỉ mới đầu tư một số thiết bị công nghệ hiện đại mang công nghệ châu Âu, khi di dời từ thành phố Hồ Chí Minh về khu công nghiệp Xuyên Á tỉnh Long An, các thiết bị còn lại đa phần là thiết bị cũ, Thiết bị của công ty có xuất xứ từ Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản... được sản xuất từ những năm 1978-1990 trình độ công nghệ của thiết bị nhìn chung hiện nay là thấp. Theo Công ty thì các thiết bị này chỉ đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn hiện tại.

Năng lực sản xuất

- ☒ Số cọc sợi: 6.600
- ☒ Năng lực dệt kim: 583 tấn/ năm
- ☒ Năng lực nhuộm và xử lý hoàn tất: 2.400 tấn/ năm

1.4.7. Trình độ công nghệ của Công ty TNHH MTV Thời trang Dệt may Việt Nam

Tại thời điểm hiện tại, Vinatexmart chưa phát triển được hệ thống kiểm soát hàng tồn kho hiện đại. Để có thể cung cấp nền tảng vững chắc cho Vinatexmart phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty đang thiết lập một hệ thống quản lý quy mô lớn và có hỗ trợ bởi các phần mềm quản trị hàng tồn kho với sự hỗ trợ kỹ thuật của ADB. Hiện nay Vinatexmart đang kinh doanh khoảng 60.000 mặt hàng tiêu dùng thiết yếu với hệ thống trên 50 điểm bán hàng trên toàn quốc.

1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Theo định hướng của toàn ngành, hoạt động nghiên cứu cần tập trung tìm và áp dụng công nghệ mới, nguyên liệu mới để tạo ra các sản phẩm khác biệt, triển khai tiến bộ kỹ thuật, triển khai các chương trình sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng... Đây là nhiệm vụ quan trọng và được sự quan tâm của các lãnh đạo Tập đoàn. Việc triển khai các hoạt động này được giao cho các đơn vị sự nghiệp trong Tập đoàn.

Nằm trong mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm Dệt May, Vinatex không ngừng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường và thiết kế các mẫu sản phẩm mới thông qua hoạt động của các đơn vị nghiệp, cụ thể là các đơn vị sau:

- ☒ Viện Dệt May: Thực hiện nghiên cứu phát triển, quy hoạch, chính sách và các giải pháp phát triển ngành dệt may.
- ☒ Viện Mẫu thời trang Việt Nam: Thực hiện đào tạo, nghiên cứu thiết kế trong lĩnh vực thời trang.
- ☒ Viện Nghiên cứu bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hố: Thực hiện công tác nghiên cứu và đào tạo đối với bông, cây nguyên liệu phục vụ ngành Dệt May.

Các Viện, Trung tâm nghiên cứu tham mưu cho lãnh đạo Vinatex trong việc chỉ đạo nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đặc biệt là lĩnh vực thiết kế thời trang vào hoạt động sản xuất của các đơn vị thành viên và các dự án đầu tư của Tập đoàn.

Ngoài ra, mỗi thành viên của Vinatex đều có bộ phận thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới theo các đặc điểm về kỹ thuật, công nghệ và thị hiếu của từng nhóm khách hàng mà mỗi đơn vị hướng tới.

1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Ngoài Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng, Trung tâm Xử lý Nước thải Phố Nối và Xí nghiệp Vinatex Quảng Ngãi, Vinatex không trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó phần lớn công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ được thực hiện tại các công ty con và công ty liên kết.

Các thành viên trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam đều coi việc xây dựng chính sách chất lượng là một trong những chiến lược kinh doanh hàng đầu thông qua việc cung cấp các sản phẩm có giá cả hợp lý, chất lượng không ngừng cải tiến để đáp ứng với thị hiếu ngày càng cao của khách hàng.

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện tại từng đơn vị sản xuất cho từng mặt hàng cụ thể. Đa số các đơn vị trong Tập đoàn đều áp dụng tiêu chuẩn ASL (tiêu chuẩn giới hạn chất lượng chấp nhận). Một số yêu cầu trong công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm của các đơn vị trong Tập đoàn bao gồm:

- ☞ Yêu cầu về nguyên phụ liệu: Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, các nguyên phụ liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm soát từ khâu đặt hàng, giao nhận và bảo quản. Các chỉ tiêu chính được kiểm tra bao gồm: độ bền màu, chỉ số sợi các vật liệu dùng làm bao bì sản phẩm, thành phần các loại thuốc nhuộm, tẩy... được sử dụng trong suốt vòng đời sản phẩm và sau khi thải bỏ sản phẩm.
- ☞ Yêu cầu về sử dụng: Phù hợp với mục đích và thời hạn sử dụng về cả hao mòn vật lý và vô hình. Để thỏa mãn yêu cầu này, Tập đoàn lựa chọn nguyên vật liệu lót, đệm, chỉ, phụ liệu một cách cẩn trọng.
- ☞ Yêu cầu về vệ sinh: Các sản phẩm của Vinatex đảm bảo sự hoạt động bình thường của cơ thể trong quá trình sử dụng, quần áo có khả năng bảo vệ cơ thể, chống lại các tác động của môi trường; đồng thời không gây nguy hiểm cho người sử dụng do những hóa chất giặt, tẩy...
- ☞ Yêu cầu về thẩm mỹ: Các sản phẩm của doanh nghiệp phong phú về kiểu dáng, màu sắc, tính thời trang và đảm bảo sự độc đáo.
- ☞ Yêu cầu về tính kinh tế: Giá thành sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường.

Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2000 đã được một số đơn vị trong Tập đoàn áp dụng cho các sản phẩm Dệt May:

1.7. Hoạt động marketing

1.7.1. Đối với thị trường trong nước

Đối tượng khách hàng Vinatex hướng tới là người tiêu dùng ở thành thị, lao động trí thức, nhân viên văn phòng. Nhằm mục đích thu hút khách hàng mục tiêu, giữ vững và phát triển thị phần trước sự cạnh tranh từ những thương hiệu đối thủ, Vinatex đã nghiên cứu và định hướng những chiến lược như sau:

- ☒ Nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về thương hiệu và sản phẩm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên
- ☒ Phân khúc khách hàng một cách cụ thể và chi tiết hơn để tiếp cận và quảng bá thương hiệu sản phẩm một cách hiệu quả
- ☒ Tăng độ bao phủ trên toàn quốc bằng cách phát triển hệ thống chuỗi bán lẻ Vinatexmart một cách chuyên nghiệp, hiệu quả
- ☒ Nâng cao giá trị cốt lõi của Vinatex bằng cách phát triển mô hình ODM nhằm cung cấp giải pháp tối ưu về sản xuất, phân phối, bán hàng, mang đến dịch vụ và sản phẩm tốt nhất cho người tiêu dùng.
- ☒ Sau khi áp dụng mô hình thành công tại thị trường trong nước, Tập đoàn định hướng sẽ mở rộng thị trường sang các nước lân cận trong khu vực như Myanmar, Lào, Campuchia để tăng thị phần và doanh thu cho Tập đoàn

1.7.2. Đối với thị trường xuất khẩu

Đối với thị trường xuất khẩu, từ trước đến nay Tập đoàn chỉ cung cấp dịch vụ Dệt May cho những khách hàng quốc tế, chưa phát triển thương hiệu riêng để mở rộng ra thế giới. Vì vậy, định hướng chiến lược cho thương hiệu Tập đoàn tại thị trường xuất khẩu sẽ khác với thị trường nội địa. Do khách hàng mục tiêu là các thương hiệu lớn trên thế giới như Zara, Diesel, Ralph Lauren, Levi's..., Tập đoàn sẽ tập trung quảng bá năng lực sản xuất cốt lõi, làm hàng mẫu với cách làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời phát triển và quảng bá mô hình ODM để cung cấp cho khách hàng giải pháp may mặc trọn gói, hướng tới Tập đoàn sẽ là đầu mối làm việc trực tiếp với khách hàng thay vì phải qua đầu mối trung gian như hiện nay.

Để cụ thể hóa chiến lược quảng bá thương hiệu của mình, Vinatex đã:

- ☒ Xây dựng cấu trúc thương hiệu để củng cố sự liên kết về thương hiệu giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên, truyền đạt đến khách hàng hình ảnh đồng nhất, vững mạnh của Tập đoàn và các công ty thành viên
- ☒ Tăng độ nhận biết về thương hiệu Tập đoàn thông qua quảng cáo ngoài trời, pano trên đường từ trung tâm Hà Nội ra sân bay
- ☒ Tăng độ bao phủ của sản phẩm Tập đoàn và các đơn vị thành viên thông qua chuỗi siêu thị Vinatexmart, chuỗi bán lẻ của các Doanh nghiệp thuộc Vinatex như Việt Thắng, May 10, Việt Tiến..., liên kết với các chuỗi siêu thị lớn như Coopmart, Big C.

☞ Tích cực tham gia các hội chợ trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm của Tập đoàn

1.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Thương hiệu Vinatex đã được Vinatex đăng ký tại Cục sở hữu Công nghiệp và được công nhận tại Quyết định số 3100/QĐ-ĐK ngày 05 tháng 08 năm 2002, gia hạn đến ngày 11 tháng 03 năm 2022 theo quyết định gia hạn số 26508/QĐ-SHTT ngày 25 tháng 05 năm 2012.

Hình 2: Mẫu thương hiệu của Vinatex



1.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Xem Phụ lục 02. Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.

2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

2.1. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng 22. Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2009 - 2013

Đơn vị: tỷ đồng

	Đơn vị	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng giá trị tài sản	Tỷ VNĐ	13.344	15.885	14.121	11.179	11.830
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	4.093	4.352	4.773	4.863	4.964
Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tỷ VNĐ	1.260	1.674	1.329	652	717
Nợ ngắn hạn	Tỷ VNĐ	5.737	7.412	5.994	4.433	4.532
Nợ dài hạn	Tỷ VNĐ	2.254	2.447	2.025	1.231	1.617
Xuất khẩu ròng	triệu USD	547	602	662	745	897
Kim ngạch xuất khẩu (Tính đủ)	triệu USD	1.335	1.469	1.615	1.839	2.011
Kim ngạch nhập khẩu (Tính đủ) ...	triệu USD	788	867	953	1.094	1.114
Doanh thu	Tỷ VNĐ	15.368	17.939	21.989	13.526	11.608
Chi phí	Tỷ VNĐ	14.600	16.963	21.025	12.698	11.277
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	768	976	964	828	331
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	638	818	833	717	272

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2009 – 2013

2.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh Vinatex

Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vinatex giai đoạn 2009 – 2013

Đơn vị: tỷ đồng

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng giá trị tài sản	4.005	4.281	4.840	5.088	5.286
Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	3.268	3.400	4.299	4.299	4.286
Nợ vay ngắn hạn	67	265	265	265	276
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	230	230
Nợ vay dài hạn	138	96	60	25	22
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	17	89	78	77	-
Tổng số lao động (người)	2.077	1.036	1.021	1.016	1.022
Tổng quỹ lương	76	39	56	60	71
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/tháng)	3.068	3.153	4.594	4.889	5.787
Tổng doanh thu	1.275	850	448	468	540
Tổng chi phí	1.075	648	231	251	306
Lợi nhuận thực hiện	200	201	216	217	234
Lợi nhuận sau thuế	193	201	216	217	234
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	5,9%	5,9%	6,4%	6,8%	5,4%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Vinatex giai đoạn 2009 - 2013

Doanh thu và thu nhập khác năm 2010 và 2011 giảm mạnh so với năm liền trước do từ tháng 05 năm 2010, Công ty Kinh doanh hàng Thời trang là đơn vị phụ thuộc đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Dệt May Thời Trang Việt Nam có tư cách pháp nhân riêng nên doanh thu của Vinatexmart không được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng của Vinatex.

2.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con 100% vốn

2.3.1. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân

Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh của Doximex giai đoạn 2009 – 2013

Đơn vị: triệu VND

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng giá trị tài sản	258.670	277.970	368.056	411.681	395.356
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.005	32.778	71.191	71.191	71.191
Nợ vay ngắn hạn	61.995	60.268	99.433	112.100	143.565
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ vay dài hạn	45.909	45.421	68.400	67.512	54.276

	2009	2010	2011	2012	2013
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	-	-	-	-	-
Tổng số lao động (người)	909	884	962	954	1.086
Tổng quỹ lương	296	359	52.554	54.594	69.761
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/tháng)	2.556	3.079	4.011	4.981	6.161
Tổng doanh thu	225.548	261.403	381.340	397.497	475.803
Tổng chi phí	222.517	257.658	375.243	395.116	464.688
Lợi nhuận thực hiện	3.031	3.744	6.098	2.381	11.116
Lợi nhuận sau thuế	2.365	2.763	5.012	1.949	8.248
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	8%	9%	7%	3%	12%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán Doximex 2009-2013

Trong thời kì 2009-2013, Công ty đã dần mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh với tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 20,5%/năm. Từ năm 2011, Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu đột biến do nhà máy tại Hưng Yên đã bắt đầu đi vào sản xuất với công suất giai đoạn I là 10 triệu sản phẩm may dệt kim/năm. Trung bình cả giai đoạn, công ty đạt mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 36,66%/năm, tốc độ tăng trưởng tài sản 11,19%/năm.

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 8,56 tỷ đồng. Giá trị này được điều chỉnh xuống còn 2,38 tỷ do chi phí khấu hao được trích tăng theo giá trị tài sản cố định đánh giá tăng lên sau khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

2.3.2. Công ty TNHH MTV Dệt 8/3

Bảng 25. Kết quả hoạt động kinh doanh của Dệt 8/3 giai đoạn 2009 - 2013

	2009	2010	2011	2012	2013
Đơn vị: triệu VNĐ					
Tổng giá trị tài sản	280.838	351.015	442.882	351.314	383.854
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	38.874	36.982	127.196	127.196	127.196
Nợ vay ngắn hạn	183.977	273.827	224.825	212.359	248.602
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ vay dài hạn	57.987	40.205	88.070	22.155	15.699
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	7.312	7.312	7.312	1.118	1.118
Tổng số lao động (người)	1.069	885	231	298	208
Tổng quỹ lương	19.964	21.375	10.230	15.873	14.820
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/tháng)	1.559	2.012	3.690	4.200	5.938

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng doanh thu	167.610	151.090	294.343	200.193	116.698
Tổng chi phí	167.489	151.009	219.694	211.196	116.546
Lợi nhuận thực hiện	121	81	74.649	(11.003)	152
Lợi nhuận sau thuế	91	61	68.547	(11.003)	152
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước ..	0,23%	0,15%	49,81%	-8,65%	0,10%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán Dệt 8/3 giai đoạn 2009 -2013

Hoạt động và Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV 8/3 trong thời kỳ 2009-2013 không ổn định do Công ty thực hiện di dời địa bàn sản xuất kinh doanh trên cơ sở Quyết định số 4386/QĐ-BCT ngày 19/05/2014 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Chương trình di dời và đầu tư tổng thể điều chỉnh của Công ty TNHH MTV Dệt 8/3. Năm 2011 Công ty đạt mức tỷ lệ lợi nhuận trên vốn tăng đột biến do thu nhập bất thường từ nhận đền bù di dời nhà máy.

2.3.3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

Bảng 26. Kết quả hoạt động kinh doanh của Dopimex giai đoạn 2009 - 2013

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng giá trị tài sản	265.943	254.692	286.570	272.387	252.918
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	136.381	136.200	163.628	163.628	163.628
Nợ vay ngắn hạn	89.592	118.311	109.191	88.804	117.680
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ vay dài hạn	-	-	-	-	-
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	17.893	17.893	17.893	17.893	12.410
Tổng số lao động (người)	606	454	286	243	242
Tổng quỹ lương	18.658	18.390	13.077	13.932	17.459
Thu nhập bình quân (nghìn/đồng/người/tháng)	2.600	3.380	3.800	4.800	6.000
Tổng doanh thu	122.631	112.495	175.011	195.100	265.969
Tổng chi phí	98.208	155.307	172.241	188.638	264.789
Lợi nhuận thực hiện	24.423	(42.812)	2.770	6.203	1.180
Lợi nhuận sau thuế	22.300	(42.812)	2.770	6.203	831
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước ...	13,58%	-24,48%	1,52%	3,55%	0,56%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán Dopimex giai đoạn 2009 -2013

Trong thời kỳ 2009-2013, Công ty bắt đầu đưa sản phẩm sợi xe đi vào hoạt động từ năm 2012, nhờ đó doanh thu năm 2013 tăng gần 40% so với năm 2012. Quy mô tài sản của Công ty được duy trì ở mức 250 tỷ đồng.

Năm 2010 lợi nhuận của công ty giảm mạnh do phát sinh một số khoản chi phí dự phòng về hàng tồn kho, phải thu..., dẫn tới khoản lỗ 42,8 tỷ VNĐ. Trong các năm sau đó, tình hình doanh thu dần được cải thiện, lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước chỉ mức 1%-4%. Doanh thu trong thời kỳ 2009-2013 tăng trung bình 21,36%/năm, tài sản tăng 1,26%/năm.

* Ghi chú: Số công nợ khó đòi 17.893.341.827 đồng năm 2012 Công ty đã xin phép xử lý số công nợ này do khách nợ đã giải thể, ngừng hoạt động. Theo công văn số 3126/VPCP-KTTH ngày 06/05/2014 của Văn phòng Chính phủ cho phép xử lý khoản công nợ khó đòi, trong năm 2013 Công ty đã xử lý 5.483.048.609 đồng bằng nguồn lợi nhuận sau thuế của các năm 2012 và 2013.

2.3.4. Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam

Bảng 27. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vinatextmart giai đoạn 2009 - 2013

Đơn vị: triệu VNĐ

	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng giá trị tài sản	450.425	567.549	789.714	996.565	989.249
Vốn nhà đầu tư của chủ sở hữu	122.508	162.043	274.499	274.499	274.499
Nợ vay ngắn hạn	33.114	-	52.905	239.445	281.617
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ vay dài hạn	8.395	-	-	34.973	152.257
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	-	897.78	510.74	859.97	5.862.93
Tổng số lao động (người)	2.111	2.173	2.550	3.153	2.403
Tổng quỹ lương	63.330	98.347	146.192	122.174	135.164
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/tháng)	2.499	3.771	4.777	3.229	4.687
Tổng doanh thu	988.965	1.265.134	1.646.925	1.798.672	1.698.850
Tổng chi phí	974.987	1.237.755	1.614.155	1.795.946	1.743.728
Lợi nhuận thực hiện	13.978	27.380	32.770	652	(44.878)
Lợi nhuận sau thuế	13.978	22.389	24.578	490	(44.878)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	8,56%	12,67%	9,57%	0,80%	-19,55%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán Vinatextmart giai đoạn 2009 -2013

Trong thời kỳ 2009-2013, doanh thu của Công ty tăng trung bình tăng 14,48%/năm, tài sản tăng 23,72%/năm. Sang thời kỳ 2012 – 2013, lợi nhuận của Công ty có sự suy giảm do ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế nói chung, tuy nhiên Vinatex vẫn duy trì được thị phần với quy mô doanh thu từ 1700 – 1800 tỷ đồng.

2.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ Vinatex trong năm báo cáo

2.4.1. Thuận lợi

- ☞ Vinatex và Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn được sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước thông qua quy hoạch phát triển ngành, các chính sách phát triển như ưu đãi thuế, ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là lao động nữ. Điều này đã tạo điều kiện tiền đề thuận lợi cho các doanh nghiệp Dệt May nói chung và các đơn vị thành viên của Tập đoàn nói riêng trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, tuyển dụng lao động và đầu tư mở rộng.
- ☞ Vinatex và Tập đoàn Dệt May Việt Nam có hệ thống các đơn vị thành viên đã có lịch sử hoạt động và phát triển trong hàng chục năm. Mặc dù Công ty Mẹ và Tập đoàn mới được thành lập và hoạt động trong vòng 20 năm trở lại đây, song nhiều công ty con, các công ty liên kết có bề dày hoạt động lên tới nửa thế kỷ. Các công ty này đã tạo được chỗ đứng trên thị trường, với sản phẩm được khách hàng ưa chuộng, đồng thời là nơi đào tạo nguồn lao động và quản lý ngành Dệt May cho Việt Nam.
- ☞ Việt Nam có lực lượng lao động trẻ, dồi dào với tỷ lệ lao động hiện chiếm tới hơn 60% dân số⁷, được gọi là giai đoạn “dân số vàng”. Đồng thời, lao động Việt Nam được đánh giá là cần cù, chăm chỉ và cầu tiến. Điều này là một tiền đề thuận lợi cho các ngành sử dụng nhiều lao động như ngành Dệt May.

2.4.2. Khó khăn

- ☞ Vốn đầu tư của Vinatex hiện nay đang bị phân tán. Quy mô vốn không lớn nhưng được phân bổ tại nhiều đầu mối đã khiến cho nguồn vốn của Vinatex bị hạn chế.
- ☞ Phần lớn các đơn vị trong Tập đoàn đã thực hiện cổ phần hóa nhưng số lượng các công ty Vinatex không nắm cổ phần chi phối chiếm tỷ lệ trên 60% đã làm vai trò quản lý của Công ty Mẹ - Tập đoàn giảm, chưa đạt hiệu quả trong phối hợp hỗ trợ hoạt động, tạo sự liên kết giữa các đơn vị trong toàn Tập đoàn và hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ.
- ☞ Việc thực hiện chiến lược phát triển chung toàn Tập đoàn còn gặp thách thức từ nhiều yếu tố lịch sử để lại. Trong khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chỉ mới được thành lập từ năm 2006 (tiền thân là Tổng Công ty Dệt May Việt Nam được thành lập năm 1995) thì rất nhiều đơn vị thành viên đã hình thành từ trước đó rất lâu, đã có ngành nghề, sản phẩm riêng, thị trường riêng. Một số đơn vị trong đó lại có mặt hàng tương đồng, dẫn đến tình trạng chuỗi cung ứng Sợi – Dệt – Nhuộm hoàn tất – May của Tập đoàn không đồng đều. Trong khi ngành May đã tương đối phát triển thì các ngành Sợi, Dệt và Nhuộm hoàn tất vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cả về chất lượng và số lượng cho ngành May.
- ☞ Giai đoạn 2009 – 2013 là giai đoạn kinh tế Việt Nam nói riêng và kinh tế thế giới nói chung ở trong giai đoạn khủng hoảng, trì trệ. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của Vinatex và các công ty con, các công ty thành viên trong Tập đoàn. Kinh tế

⁷ Tổng cục Thống kê

suy giảm dẫn tới nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm may mặc cũng giảm theo, dẫn tới khả năng tiêu thụ sản phẩm giảm sút hẳn so với giai đoạn trước đó.

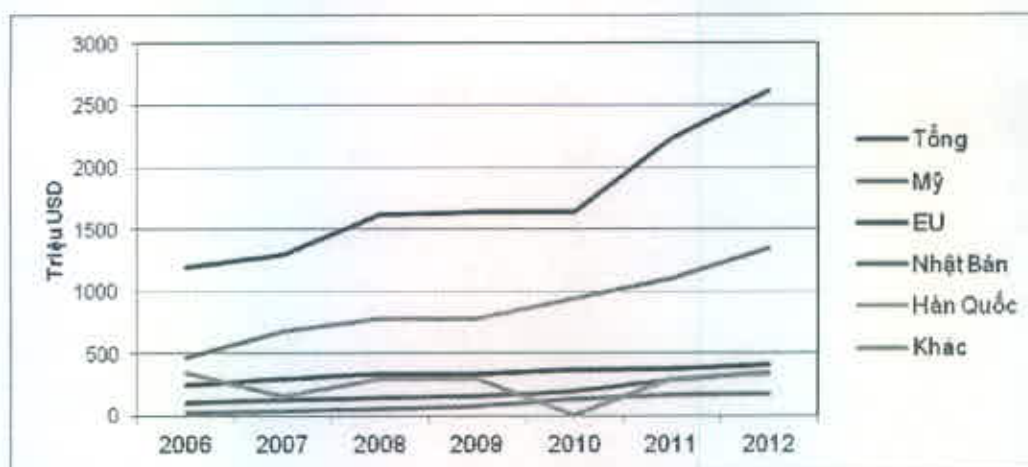
3. Thị trường và vị thế của Vinatex trong ngành Dệt May

3.1. Thị trường quốc tế

Trong những năm qua, Tập đoàn đã luôn chú trọng và đầu tư cho các hoạt động phát triển thị trường quốc tế và mở rộng thị phần trong nước.

Hiện tại, Tập đoàn đã tạo dựng được vị thế và thương hiệu tại các thị trường Dệt May lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc. Thị phần trong nước cũng không ngừng tăng trưởng trong những năm qua.

Hình 3: Kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn giai đoạn 2006-2012



Nguồn: Vinatex

Kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn vào các thị trường trọng điểm đều có xu hướng tăng. Trong đó, các thị trường có sự tăng trưởng rõ rệt là Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Nhật Bản.

☞ Hoa Kỳ hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm gần 50% giá trị xuất khẩu của Tập đoàn với kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt mức 1.347 triệu USD. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2013, kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn vào thị trường này đã đạt 715 triệu USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong những năm gần đây, xuất khẩu Dệt May của Việt Nam vẫn giữ vững mức tăng trưởng từ 8%-10%. Cụ thể: năm 2012, xuất khẩu Dệt May vào thị trường Hoa Kỳ của Việt Nam tăng 8,9% trong khi Trung Quốc chỉ tăng 1,2%; nhập khẩu Dệt May của Hoa Kỳ từ các thị trường chính đều giảm như Ấn Độ (giảm 1,8%), Indonesia (giảm 0,1%), Mexico (giảm 0,6%).

☞ Châu Âu là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2, chiếm gần 16% tổng giá trị xuất khẩu của Tập đoàn. Hàng Dệt May của Việt Nam có vị trí tốt tại thị trường EU dù nền kinh tế tại thị trường này vẫn bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng nợ công còn kéo dài.

- ☞ Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3, chiếm gần 14% tổng giá trị xuất khẩu của Tập đoàn. Xuất khẩu Dệt May của Việt Nam sang Nhật Bản những tháng đầu năm 2013 đạt mức tăng trưởng cao. Giá trị xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản của Tập đoàn giữ vững ở mức 21% - 22% trong những năm gần đây; riêng 6 tháng đầu năm 2013 giá trị xuất khẩu đã đạt mức 198 triệu USD, tăng gần 21% so với cùng kỳ năm 2012.
- ☞ Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 chiếm khoảng 7,5 % tổng giá trị xuất khẩu của Tập đoàn. Việt Nam là một trong ba nhà cung cấp hàng may mặc lớn nhất vào thị trường Hàn Quốc. Trong giai đoạn 2006-2012, xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc của Tập đoàn có sự tăng trưởng mạnh mẽ và ấn tượng, tăng từ 27 triệu USD năm 2006 tới 180 triệu USD trong năm 2012.
- ☞ Bên cạnh các thị trường truyền thống, Tập đoàn cũng đang phát triển các thị trường mới nổi khác như Trung Đông, Nga... để giảm sự phụ thuộc vào các thị trường trọng điểm. Giá trị xuất khẩu vào các thị trường này chiếm khoảng 13% tổng kim ngạch xuất khẩu của Tập đoàn.

3.2. Thị trường nội địa

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang hướng tới mục tiêu chiếm lĩnh thị trường nội địa với tỷ lệ tăng trưởng bình quân 15-20% và tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm đạt 60% vào năm 2015.

Trong những năm qua, các doanh nghiệp thành viên của Vinatex đã nỗ lực đầu tư sản xuất, chú trọng đổi mới mẫu mã sản phẩm, củng cố và phát triển thương hiệu, mở rộng kênh phân phối để chiếm lĩnh thị phần tại thị trường trong nước.

Một trong những thành công của Tập đoàn là hệ thống siêu thị Vinatexmart với quy mô trên 50 điểm bán hàng tại các tỉnh, thành phố trên cả nước. Hệ thống Vinatexmart chính là thương hiệu và lợi thế của Tập đoàn và là nhân tố quan trọng đảm bảo sự thành công của Tập đoàn trong việc chiếm lĩnh thị trường nội địa. Bên cạnh đó, các đơn vị thành viên của Vinatex cũng tích cực mở rộng hệ thống cửa hàng giới thiệu sản phẩm, đại lý về khắp các tỉnh, thành phố và các siêu thị mini tại công ty để giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm. Kênh phân phối này đã góp phần đưa hàng Dệt May chất lượng tốt, giá cả hợp lý đến người tiêu dùng. Tổng số điểm bán hàng của các doanh nghiệp trong Tập đoàn đến thời điểm hiện tại đạt 4.200 điểm.

Tập đoàn sở hữu các thương hiệu nổi tiếng đã được nhiều người tiêu dùng nội địa yêu thích và tin dùng như:

- ☞ Tổng Công ty Việt Tiến: Viettien, Viettien Smart Casual, SanSciaro, Manhattan, TT-Up, Vee Sendy...
- ☞ Tổng Công ty Phong Phú: Phong Phu Jean, Khăn Molis,...
- ☞ Tổng Công ty Việt Thắng: Three Cammel, Brilliant, FC, Burtley, ...
- ☞ May Phương Đông: F- House, Authentic ...
- ☞ May Bình Minh: Gendai, ...

- ☒ Tổng Công ty Nhà Bè: Novelty, Mattana, NBU, ...
- ☒ Đức Giang: New Era, Forever Young, Dugarco Fashion, ...
- ☒ May 10: Pharaon, Bigman, Chabray, Freeland, Cleopatre, PrettyWoman, Jackhot, MM Teen, Gruz

PHẦN III. CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA TẠI DOANH NGHIỆP

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TÁC CỔ PHẦN HOÁ TẠI DOANH NGHIỆP

1. Thời điểm cổ phần hoá

- ☞ 07/10/2011: Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chính thức được quyết định thực hiện chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định 5151/QĐ – BCT
- ☞ 31/12/2011: Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam
- ☞ 28/06/2013: Thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 4373/QĐ – BCT của Bộ Công thương
- ☞ 30/12/2013: Quyết định 10132/QĐ-BCT sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa
- ☞ 06/05/2014: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Quyết định số 646/QĐ-TTg
- ☞ 15/05/2014: Quyết định số 4085/BCT-TC của Bộ Công về Phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá, Tổ chức trung gian tư vấn bán cổ phần lần đầu, Địa điểm bán đấu giá
- ☞ 22/07/2014: Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Quyết định số 5151/QĐ – BCT ngày 07 tháng 10 năm 2011 về việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và nhu cầu vốn để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đề nghị áp dụng việc thực hiện cổ phần hoá theo hình thức: **Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại Tập đoàn, kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.**

Thực trạng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đơn vị đi đầu trong ngành Dệt May Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm, an sinh xã hội đã đặt ra đối với ngành Dệt May. Những năm gần đây, số lượng lao động tại Tập đoàn tương đối ổn định. Lực lượng lao động của Tập đoàn có sự chuyển dịch tích cực theo hướng từ thành phố về nông thôn phù hợp với sự chuyển dịch của cơ sở sản xuất nhằm thu hút lao động tại địa phương theo định hướng chung của ngành.

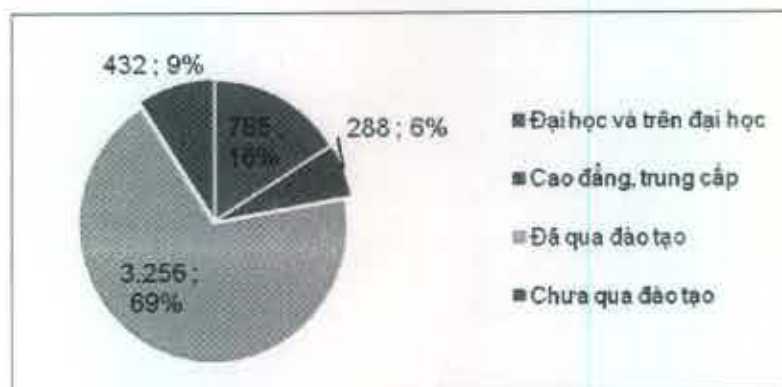
Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 28/06/2013, tổng số lao động của Vinatex và các công ty con 100% vốn nhà nước là 4.766 người, trong đó số lao động dự kiến chuyển sang công ty cổ phần là 4.741 người.

1.1. Cơ cấu lao động theo trình độ

Lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ 16% trong tổng số lao động của Tập đoàn và được phân bổ chủ yếu tại Văn phòng Công ty Mẹ, các đơn vị sự nghiệp và các vị trí quản lý đơn vị phụ thuộc, các công ty con 100% vốn nhà nước.

Lao động đã qua đào tạo chiếm gần 70% trong cơ cấu lao động của Vinatex và các đơn vị thành viên 100% vốn nhà nước và chủ yếu là người lao động trực tiếp tại các đơn vị sản xuất. Lao động chưa qua đào tạo chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu (9%).

Hình 4. Cơ cấu lao động theo trình độ của Vinatex và các đơn vị thành viên, các công ty con 100% vốn



Nguồn: Vinatex

1.2. Cơ cấu lao động theo giới và theo loại hợp đồng

Hình 5. Cơ cấu lao động theo giới tính của Vinatex và các đơn vị thành viên, các công ty con 100% vốn nhà nước



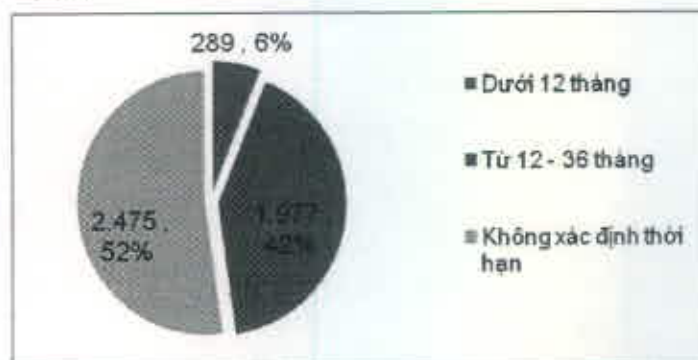
Nguồn: Vinatex

Lao động nữ chiếm phần lớn trong tổng số lao động của Vinatex và các đơn vị thành viên, các công ty con 100% vốn nhà nước. Điều này xuất phát từ đặc điểm công việc sản xuất

của ngành phù hợp với lao động nữ. Với cơ cấu nữ chiếm đa số, các chính sách chế độ với người lao động nói chung lao động nữ nói riêng luôn được Vinatex và các đơn vị thành viên, các công ty con rất coi trọng.

1.3. Cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng lao động

Hình 6. Cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng lao động của Vinatex và các đơn vị thành viên, các công ty con 100% vốn nhà nước



Nguồn: Vinatex

Lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn chiếm đa số trong Vinatex và các đơn vị thành viên, các công ty con 100% vốn nhà nước, lao động có thời hạn hợp đồng dưới 12 tháng chỉ chiếm tỷ lệ 6%. Điều này cho thấy mức độ ổn định của lực lượng lao động tại Vinatex và các đơn vị này.

II. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ

1. Giá trị doanh nghiệp

Giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 được phê duyệt tại Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa và Quyết định 10132/QĐ-BCT ngày 30/12/2013 sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định 4373/QĐ-BCT ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa

☞ Giá trị thực tế của doanh nghiệp:	4.840.511.627.839 đồng.
☞ Trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước:	4.299.595.911.499 đồng.
Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:	
☞ Tài sản không cần dùng:	1.354.083.770 đồng
☞ trong đó công nợ không có khả năng thu hồi:	1.354.083.770 đồng
☞ Tài sản tại các đơn vị sự nghiệp:	107.666.971.804 đồng

Bảng 28. Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Vinatex tại thời điểm 31/12/2011^a

Đơn vị: triệu VND

	Số liệu sổ kế toán sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	4.481.257	4.840.512	359.254
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	3.359.335	3.733.232	373.898
1 Tài sản cố định	155.339	246.648	91.309
a. TSCĐ hữu hình	97.293	188.602	91.309
b. TSCĐ vô hình	58.046	58.046	-
2 Các khoản đầu tư dài hạn	3.005.004	3.339.938	334.934
3 Chi phí XDCB dở dang	31.109	31.109	-
4 Các khoản kỳ cược, kỳ quỹ dài hạn	5.311	5.311	-
5 Chi phí trả trước dài hạn	26.549	27.781	1.232
6 Vốn tại các đơn vị phụ thuộc	77.626	78.548	923
7 Phải thu dài hạn khác	58.397	3.897	(54.500)
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.121.923	1.101.660	(20.262)
1 Tiền	147.215	147.215	-
a. Tiền mặt tồn quỹ	108	108	-
b. Tiền gửi ngân hàng	10.307	10.307	-
c. Các khoản tương đương tiền	136.800	136.800	-
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	36.000	36.000	-
3 Các khoản phải thu	937.285	917.022	(20.262)
4 Tài sản lưu động khác	1.423	1.423	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp		5.619	5.619
IV. Giá trị quyền sử dụng đất			
B. Tài sản không cần dùng	1.507	1.354	(153)
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn			-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.507	1.354	(153)
1 Công nợ không có khả năng thu hồi	1.507	1.354	(153)
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-
E. Tài sản tại đơn vị sự nghiệp	-	107.667	107.667
Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (A+B+C+D+E)	4.482.764	4.949.533	466.768
Tổng giá trị thực tế của DN (A)	4.481.257	4.840.512	359.254
G1 Nợ thực tế phải trả	476.479	498.794	22.315
G2 Nguồn kinh phí xây dựng bảo tàng	-	42.122	42.122
Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp [A-(G1+G2)]	4.004.779	4.004.779	4.299.596

Nguồn: Vinatex

^a Giá trị doanh nghiệp không bao gồm tài sản tại các đơn vị sự nghiệp

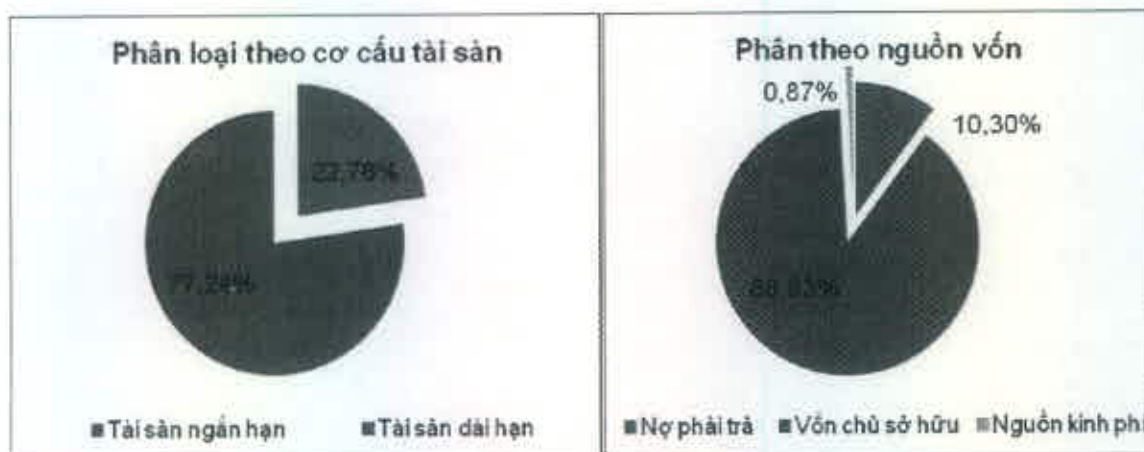
Trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hưởng các cơ chế đặc thù khi cổ phần hóa theo công văn 5062/VPCP-ĐMDN ngày 24 tháng 06 năm 2013 của Văn Phòng Chính Phủ:

- ☒ Lợi thế kinh doanh của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên khi cổ phần hóa được xác định bao gồm các chi phí phát sinh thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, thương hiệu trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian 3 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp;
- ☒ Không tính phần lợi nhuận bất thường từ đền bù di dời năm 2011 của công ty TNHH MTV Dệt 8/3 vào lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;
- ☒ Giữ nguyên giá trị sổ sách và không đánh giá lại tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc tại số 67 Ngô Thi Nhậm, Hà Nội của công ty TNHH MTV Dệt Kim Đồng Xuân đang nằm trên khu đất thuộc diện di dời, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đối với nhà cửa vật kiến trúc tại 67 Ngô Thi Nhậm – thành phố Hà Nội và những diện tích Đất Tập Đoàn Dệt May Việt Nam không có nhu cầu sử dụng sẽ được bàn giao lại cho thành phố, địa phương để bố trí theo quy hoạch và thu nộp ngân sách theo quy định; nếu được đền bù di dời thì phần chênh lệch (nếu có) giữa số tiền nhận được từ đền bù di dời với giá trị còn lại theo sổ sách của tài sản, Vinatex sẽ nộp vào ngân sách nhà nước.
- ☒ Tách rời phần giá trị tài sản, vốn đầu tư của Bảo tàng Ngành Dệt May khi xác định giá trị doanh nghiệp. Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, Nhà Bảo tàng sẽ được chuyển giao cho Tập đoàn tiếp tục quản lý, sử dụng.
- ☒ Tách phần vốn đã đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa doanh nghiệp.
- ☒ Cho phép bù trừ giá trị các khoản đầu tư tăng với giá trị các khoản đầu tư giảm khi xác định giá trị doanh nghiệp. Giá trị còn lại sau bù trừ sẽ được tăng vào vốn nhà nước.

2. Cơ cấu nguồn vốn

2.1. Cơ cấu nguồn vốn của Công ty Mẹ - Vinatex

Hình 7. Cơ cấu nguồn vốn của Vinatex tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp



Nguồn: Vinatex

Tài sản dài hạn chiếm hơn ¼ tổng tài sản, trong đó lợi thế kinh doanh của Vinatex theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp chỉ chiếm 0,12%. Gần 90% giá trị tài sản được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu, và nợ chỉ chiếm khoảng 10%, trong đó chủ yếu là các khoản vay và nợ phải trả ngắn hạn (trên 90%). Đặc điểm này cũng phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của Vinatex, Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, là chủ yếu hoạt động kinh doanh thông qua các công ty con và công ty liên kết.

2.2. Cơ cấu nguồn vốn của các đơn vị kinh doanh 100% vốn nhà nước

Bảng 29. Cơ cấu nguồn vốn, tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2011) theo quyết định Công bố giá trị doanh nghiệp của các đơn vị phụ thuộc và 4 công ty TNHH MTV

Đơn vị tính: VND

	Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối	Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Phương	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng xuân	Công ty TNHH MTV TMTT DMVN
Phân theo kết cấu tài sản	76.063.271.727	79.255.756.204	442.881.989.662	286.570.222.287	368.055.983.735	789.714.411.234
Tài sản ngắn hạn	9.723.733.942	26.679.866.649	242.198.889.940	114.754.554.490	152.083.186.086	520.473.758.290
Tài sản dài hạn	66.339.537.785	52.575.889.555	200.683.099.722	158.016.713.796	215.718.861.285	259.640.538.571
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-	46.954.001	253.936.364	913.393.861
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	13.752.000.000	-	8.686.720.512
Phân theo nguồn vốn	76.063.271.727	79.255.756.204	442.881.989.662	286.570.222.287	368.055.983.735	789.714.411.234
Nợ phải trả	39.735.018.749	37.038.953.383	315.686.292.699	122.942.667.651	296.644.743.066	515.215.829.251
Vốn chủ sở hữu	36.328.252.978	42.216.802.821	127.195.696.963	163.627.554.636	71.191.925.340	274.498.581.983
Nguồn kinh phí	-	-	-	-	219.315.329	-

Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Vinatex

3. Các tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

3.1. Tài sản cố định

Bảng 30. Cơ cấu tài sản cố định

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2011			31/12/2011 – đánh giá lại		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
TSCĐ hữu hình	239.251	97.293		421.774	188.602	
Nhà cửa, vật kiến trúc	71.006	28.261	40%	252.139	139.113	55%
Máy móc thiết bị	159.531	65.861	41%	159.478	45.021	28%
Phương tiện vận tải	6.414	2.331	36%	8.040	3.412	42%
TSCĐ hữu hình khác	2.299	841	37%	2.117	1.056	50%
TSCĐ vô hình khác	63.080	58.046	92%	63.080	58.046	92%
Tổng	302.331	155.339		484.854	246.648	

Nguồn: Vinatex

3.2. Đất đai

Tổng diện tích đất hiện Vinatex đang sử dụng là 544.876 m², trong đó Vinatex trực tiếp sử dụng 92.667 m², còn lại do các đơn vị thành viên trực tiếp sử dụng như Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng 42.508m², Trung tâm Xử lý Nước thải Phố Nối 11.648 m², Xí nghiệp may Vinatex Quảng Ngãi 49.010m² Doximex 195.322 m², Dopimex 72.307 m², Dệt 8/3 106.915 m², Vinatexmart 23.509 m². Thông tin chi tiết xem Phụ lục: Danh mục đất Vinatex hiện đang sử dụng.

PHẦN IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá

1.1. Tên doanh nghiệp

Tên công ty:	Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Loại hình hoạt động:	Công ty cổ phần
Tên giao dịch quốc tế:	Vietnam National Textile and Garment Group
Tên viết tắt:	Vinatex
Trụ sở chính:	25 phố Bà Triệu và 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	(84.4) 38257700
Fax:	(84.4) 38262269
Website:	www.Vinatex.com

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- ☑ Ngành, nghề kinh doanh chính: Đầu tư, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm Dệt May thời trang.
- ☑ Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:
- ☑ Đầu tư vốn, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: Sản phẩm, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, hóa chất, thuốc nhuộm ngành Dệt May thời trang;
- ☑ Đầu tư và kinh doanh: siêu thị, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp Dệt May, xử lý môi trường;
- ☑ Đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực Dệt May; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực Dệt May thời trang
- ☑ Giám định, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và nguyên phụ liệu Dệt May, hạt giống cây trồng (bông và các cây loại nguyên liệu khác);
- ☑ Tư vấn, thiết kế, lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực Dệt May, môi trường Dệt May;
- ☑ Đào tạo nghề, quản lý doanh nghiệp, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Dệt May thời trang.

2. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

2.1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Vinatex:	5.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: năm nghìn tỷ đồng)
Mệnh giá một cổ phần:	10.000 VND

Số lượng cổ phần: 500.000.000 cổ phần

2.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 31. Cơ cấu vốn điều lệ của Vinatex sau Cổ phần hóa

	Số cổ phần	Tỷ lệ	Trị giá
Nhà nước	255.000.000	51%	2.550.000.000.000
Người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa	3.000.850	0,60%	30.008.500.000
<i>Cổ phần người lao động được mua ưu đãi</i>	<i>2.313.100</i>	<i>0,46%</i>	<i>23.131.000.000</i>
<i>Cổ phần người lao động mua thêm</i>	<i>687.750</i>	<i>0,14%</i>	<i>6.877.500.000</i>
Nhà đầu tư bên ngoài	241.990.150	48,40%	2.419.901.500.000
<i>Bán đấu giá công khai</i>	<i>121.999.150</i>	<i>24,40%</i>	<i>1.219.991.500.000</i>
<i>Bán cho nhà đầu tư chiến lược</i>	<i>120.000.000</i>	<i>24%</i>	<i>1.200.000.000.000</i>
Tổng	500.000.000	100%	5.000.000.000.000

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

2.3. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi

2.3.1. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi theo thâm niên công tác

- ☞ Tổng số lao động : 4.766 người.
- ☞ Tổng số lao động được mua ưu đãi : 3.445 người.
- ☞ Tổng số năm công tác : 23.131 năm.
- ☞ Tổng số cổ phần được mua ưu đãi
(với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất): 2.313.100 cổ phần.

2.3.2. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi theo cam kết dài lâu

- ☞ Tổng số lao động thuộc đối tượng có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp: 406 người.
- ☞ Tổng số cổ phần ưu đãi đăng ký mua thêm (với giá bán bằng giá đấu thành công thấp nhất): 687.750 cổ phần.

Tiêu chí mua thêm cổ phần được nêu tại Quyết định 400/QĐ-TĐĐMVN ngày 01 tháng 10 năm 2013 quy định về việc đăng ký mua cổ phần ưu đãi mua thêm theo Nghị định 59/NĐ-CP.

2.4. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

2.4.1. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Vinatex đã đề xuất cơ chế đặc thù cho việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Theo đó, 3 nhà đầu tư chiến lược sẽ được lựa chọn, bao gồm 1 nhà đầu tư trong lĩnh vực tài chính và 2 nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và phân phối hàng Dệt May.

Các tiêu chí tiên quyết đối với nhà đầu tư chiến lược bao gồm:

- ☒ Sở hữu công nghệ, thị trường, thương hiệu trong lĩnh vực sản xuất nguyên liệu;
- ☒ Sở hữu hệ thống phân phối đến người tiêu dùng hoặc đến các nhà phân phối lớn tại các thị trường chủ chốt như Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc; hoặc sở hữu các thương hiệu mạnh trên thị trường thế giới;
- ☒ Có năng lực tài chính mạnh và có chiến lược song hành dài hạn với ngành sản xuất Dệt May.

2.4.2. Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là 120.000.000 cổ phần, tương đương 24% vốn Điều lệ của Vinatex. Số cổ phần này sẽ được thực hiện bán cho nhà đầu tư chiến lược đúng quy định hiện hành theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Công thương tại Quyết định 646/QĐ-TTg ngày 06/05/2014.

3. Mô hình tổ chức hoạt động dự kiến

3.1. Mô hình tổ chức của Vinatex sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, Vinatex sẽ được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần theo các quy định pháp luật hiện hành và Phương án cổ phần hóa được phê duyệt. Song song với việc chuyển đổi hình thức và mô hình hoạt động, Vinatex tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Mô hình cơ cấu tổ chức của Vinatex và Tập đoàn được thể hiện ở trang bên.

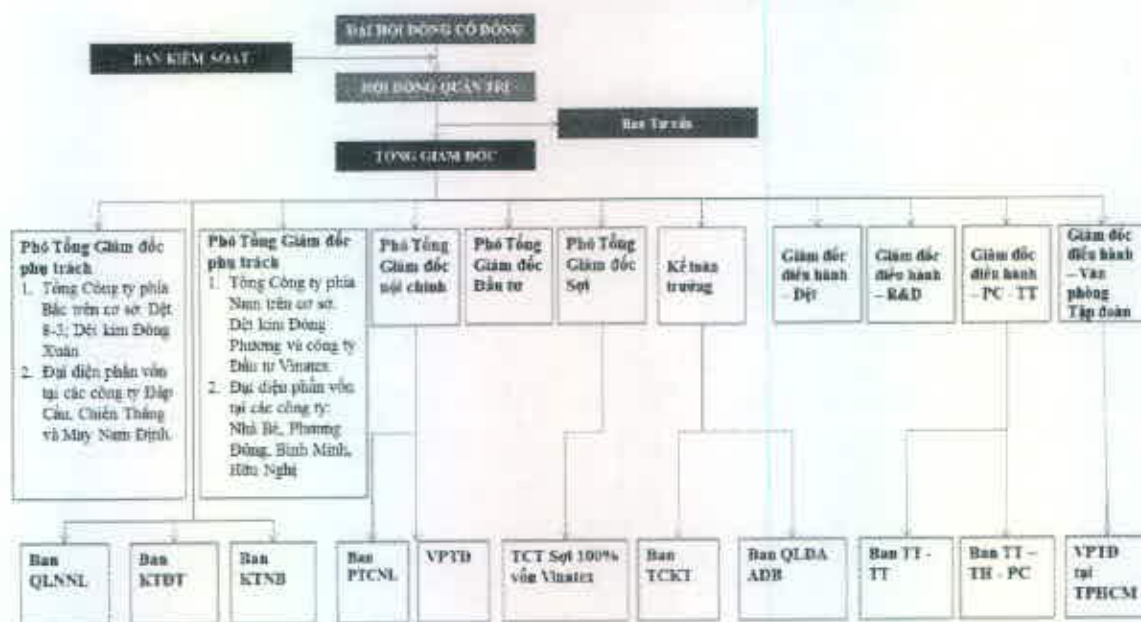
3.2. Chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, bộ phận

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nghĩa vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

Hình 8. Cơ cấu tổ chức dự kiến của Vinatex sau khi cổ phần hóa



Nguồn: Phương án cổ phần hóa

3.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Tư vấn Tập đoàn là bộ phận nghiên cứu, tư vấn, tham mưu cho HĐQT và Cơ quan điều hành về các mặt hoạt động của Tập đoàn.

3.2.4. Cơ quan điều hành

Cơ quan điều hành bao gồm 01 Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Giám đốc điều hành. Cơ quan điều hành thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

3.2.5. Các Phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, giúp việc

Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc bao gồm hai văn phòng và 8 phòng ban chuyên môn phụ trách từng lĩnh vực nghiệp vụ cụ thể như Quản lý nguồn nhân lực, Kỹ thuật Đầu tư, Kiểm toán nội bộ, Phát triển cây nguyên liệu, Ban Tài chính kế toán, Ban Quản lý dự án ADB, Ban Thông tin và Truyền thông, Ban Thị trường – Tổng hợp – Pháp chế.

3.2.6. Các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị sự nghiệp đề nghị giao cho Vinatex quản lý bao gồm:

- ☒ Viện Dệt May
- ☒ Viện mẫu thời trang Việt Nam
- ☒ Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ
- ☒ Trường cao đẳng công nghiệp Dệt May và thời trang Hà Nội
- ☒ Trường cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex
- ☒ Trường cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Vinatex tại thành phố Hồ Chí Minh
- ☒ Trung tâm Y tế Dệt May

3.3. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp sau cổ phần hóa

- ☒ Thủ tướng Chính phủ cho phép Tập đoàn được tiếp tục quản lý 07 đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn gồm 03 Trường đào tạo, 03 Viện nghiên cứu và 01 Trung tâm y tế theo Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 06/05/2014 về Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam; cụ thể như sau:
- ☒ Giao quyền quản lý khối sự nghiệp cho Tập đoàn (bao gồm cả bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quyết định đầu tư, phê duyệt chỉ tiêu đào tạo...);
- ☒ Giao cho Tập đoàn là đầu mối trong việc tiếp nhận, cấp phát, quyết toán các nguồn kinh phí về: chi phí thường xuyên, đầu tư... từ ngân sách và các nguồn khác;
- ☒ Tiếp tục được hưởng các cơ chế tài chính theo Thông tư 32/2010/BTC ngày 09 tháng 03 năm 2010 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện theo Quyết định 36/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 03 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ "Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020".
- ☒ Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, sau khi bán Cổ phần lần đầu, thực hiện Xác định giá trị doanh nghiệp đơn vị sự nghiệp bổ sung vào Giá trị doanh nghiệp tại Công ty Mẹ Tập đoàn. Xây dựng tách các đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập với các đơn vị sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, xác định cổ tức chia trên phần vốn nhà nước tại các đơn vị này gắn với kết quả hoạt động của đơn vị.

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP TRONG CÁC NĂM TỚI

1. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá

Theo Quyết định 429/QĐ-TTg ngày 12/4/2012, chiến lược sản xuất kinh doanh của Tập đoàn tới năm 2015 là phát triển Tập đoàn Dệt May Việt Nam thành đơn vị kinh tế vững mạnh, là đơn vị nòng cốt của ngành Dệt May Việt Nam, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng trong nước ngày càng cao, tạo nhiều việc làm cho xã hội, đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái, hội nhập vững chắc kinh tế khu vực và thế giới.

1.1. Mục tiêu phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- ☒ Phát triển VINATEX trở thành nhà cung cấp giải pháp toàn diện, trọn gói, được tin cậy trong ngành Dệt May thời trang Việt Nam và thế giới, là đơn vị nòng cốt của ngành Dệt May Việt Nam;
- ☒ Đạt hiệu quả hoạt động tổng hợp cao dựa trên 4 trụ cột: Thời trang, Năng suất – chất lượng, Bảo vệ môi trường và Quan hệ lao động hài hòa và
- ☒ Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm: tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Vinatex cho các cổ đông; nâng cao giá trị Vinatex; và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước. Bên cạnh đó, Vinatex gắn kết công nghiệp chế biến với phát triển vùng nguyên liệu nhằm tăng tính độc lập về nguồn nguyên liệu trong hiện tại và tương lai.

1.2. Mục tiêu phát triển cụ thể

1.2.1. Mục tiêu về tổ chức và quản trị

Trong giai đoạn 2013-2015, đảm bảo vai trò đầu mối, định hướng phát triển của Vinatex, tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề cốt lõi để phát triển theo chiều sâu, phát triển các sản phẩm có chất lượng cao, yêu cầu kỹ thuật nhiều.

Tập đoàn cũng hướng tới hoàn thiện và nâng cao chất lượng chuỗi cung ứng Sợi – Dệt – Nhuộm hoàn tất – May, nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm Dệt May của Tập đoàn.

1.2.2. Mục tiêu về thị trường

- ☒ Tiếp tục phát triển các thị trường trọng điểm là Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu vào các thị trường này tới năm 2015 đạt 2.949 triệu đô la, chiếm 76% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn Tập đoàn. Tuy nhiên cũng chú trọng phát triển các thị trường mới như Hàn Quốc, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Đông, Trung Quốc để tránh phụ thuộc vào các thị trường Dệt May chính. Đảm bảo hoàn thành mục tiêu: kim ngạch xuất khẩu tính đủ tăng trưởng bình quân 15%/năm. Vinatex sẽ tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong việc phát triển thị trường và xúc tiến thương mại.
- ☒ Giữ chi phối các kênh phân phối trong nước thông qua hệ thống siêu thị Vinatexmart. Đây là kênh phân phối dành cho các đơn vị có năng lực trung bình về cả sản phẩm và khả năng cạnh tranh để bán sản phẩm. Đạt mục tiêu xây dựng 204 siêu thị và địa điểm bán hàng quy mô lớn vào năm 2015.
- ☒ Xây dựng 02 thương hiệu thời trang riêng của Tập đoàn theo định hướng: 01 thương hiệu thời trang cao cấp, 01 thương hiệu thời trang có chất lượng tốt, không định hướng tập trung vào các sản phẩm phục vụ phân khúc thị trường cấp thấp.

1.2.3. Các mục tiêu về tài chính

- ☒ Doanh thu: Doanh thu toàn Tập đoàn 53.700 tỷ đồng vào năm 2016.
- ☒ Lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn đạt 2.144 tỷ đồng vào năm 2016.

☞ Đối với Vinatex tới năm 2016:

- Tổng doanh thu và thu nhập: Đạt mức 9.105 tỷ đồng.
- Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế hàng năm: Đạt trên 25%/năm.
- Vốn chủ sở hữu: Đạt mức 9.148 tỷ.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 7.8%.

1.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Việt Nam đang phát triển ở mức thu nhập trung bình – thấp, lực lượng lao động đông, với khoảng gần 60 triệu người đang trong lứa tuổi lao động. Chính vì vậy trong chiến lược công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, vai trò của các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động có khả năng chuyển đổi lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp là hết sức quan trọng. Ngành Dệt May Việt Nam trong vòng 20 năm vừa qua đã đóng vai trò là ngành công nghiệp nhẹ quan trọng nhất, vừa trên phương diện là ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất cả nước, vừa trên phương diện là ngành sử dụng lao động lớn nhất cả nước.

Trong vòng 20 năm tới đây, với chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam thì ngành Dệt may tiếp tục duy trì vai trò là ngành kinh tế dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu cũng như là thu dụng nhiều lao động, đặc biệt lao động tại các khu vực nông thôn, thực hiện công nghiệp hóa tại nông thôn, qua đó có khả năng giảm được lực lượng lao động tại nông thôn xuống khoảng 20% lực lượng lao động. Trong bối cảnh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội như vậy thì ngành Dệt may Việt Nam rất cần có những Tập đoàn kinh tế mạnh, các Doanh nghiệp mạnh để làm nòng cốt, làm sức kéo để tạo ra sức lan tỏa cho các đầu tư mới và phát triển theo chiều rộng từ các trung tâm thị trấn, thị xã, thành phố hiện nay về các khu vực cấp huyện, cấp nông thôn để thực hiện công nghiệp hóa.

Tập đoàn Dệt May Việt nam hiện nay là doanh nghiệp của Việt Nam có quy mô lớn nhất trong ngành Dệt May với quy mô 140.000 lao động và đặc biệt sức lan tỏa từ ngành Dệt May Việt Nam sang các khối doanh nghiệp khác trong Hiệp hội Dệt May Việt Nam, đặc biệt là khối tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ là hết sức quan trọng. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang đóng vai trò là đơn vị đi tiên phong trong đầu tư, đi tiên phong trong lựa chọn công nghệ và sở hữu các lực lượng, các cơ sở đào tạo có thể đào tạo ra nhân lực có trình độ cho ngành Dệt May. Đây có thể coi là một đầu máy kéo quan trọng của ngành Dệt May Việt Nam cho quá trình phát triển trong thời gian tới. Chính vì thế, việc có một Tập đoàn Dệt May Việt Nam mạnh sẽ là cơ sở thuận lợi, quan trọng để có thể tập trung cho việc phát triển ngành Dệt May với tốc độ tăng trưởng đang yêu cầu phải từ 15% đến 20%/năm và với mục tiêu đến năm 2030 thì phải đạt đến kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 50 tỉ đô la.

Theo định hướng “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, ban hành theo 3218/QĐ-BCT ngày 11 tháng 04 năm 2014, đến năm 2030 Việt Nam phải sản xuất được 30 triệu tấn bông, đồng thời tăng tỷ lệ nội địa hóa lên 70%. Nhằm bắt xu hướng trên, Tập đoàn đã triển khai một số dự án trồng bông tại Đắk Lắk, Quảng Bình, Quảng Trị, đồng thời đẩy mạnh đầu tư các dự án Sơ – Xoi nhằm bắt nhịp với định hướng phát triển chung của ngành do Đảng và Nhà nước đề ra.

Bảng 32: Chỉ tiêu tăng trưởng ngành - theo Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030

	Đơn vị	2015	2020	2030
Kim ngạch XK	Tỷ USD	23-24	36-38	64-67
Tỷ lệ XK so cả nước	%	15-16	13-14	9-10
Sử dụng lao động	1.000 ng	2.500	3.300	4.400
Sản phẩm chủ yếu				
<i>Bông xơ</i>	1000 Tấn	8	15	30
<i>Xơ, sợi tổng hợp</i>	1000 Tấn	400	700	1.500
<i>Sợi (kéo từ xơ cắt ngắn)</i>	1000 Tấn	900	1.300	2.200
<i>Vải các loại</i>	Tr. m ²	1.500	2.000	4.500
<i>Sản phẩm may</i>	Tr. SP	4.000	6.000	9.000
Tỷ lệ nội địa hóa	%	55	65	70

Tuy nhiên, trong thời gian qua, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã và đang phải đối diện với những khó khăn nhất định về cạnh tranh trên thị trường quốc tế, khả năng sản xuất và cung ứng nguyên liệu đầu vào, khả năng thiết kế,... Việc cổ phần hóa Vinatex, là một bước ngoặt trọng đại không chỉ đối với công ty mẹ - Tập đoàn mà còn đối với cả Tập đoàn nói chung. Sự thay đổi về hình thức hoạt động này đi cùng với quá trình tái cấu trúc và huy động vốn sẽ giúp Công ty và Tập đoàn có sự thay đổi mạnh mẽ về cả lượng và chất, nâng cao vai trò của Công ty trong Tập đoàn và phát triển năng lực sản xuất của các đơn vị thành viên Tập đoàn trong chuỗi cung ứng toàn cầu và đưa lên các bước có giá trị gia tăng cao hơn trong ngành Dệt May.

Bên cạnh đó, thực hiện cổ phần hóa công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam còn là tiền đề để Vinatex và Tập đoàn tiếp nhận những nguồn vốn hỗ trợ phát triển từ những định chế tài chính quốc tế như ADB. Với cơ cấu tài chính mới, mô hình hoạt động và quy chế nội bộ theo mô hình công ty cổ phần, Vinatex sẽ tiếp tục đóng vai trò là đơn vị đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của ngành Dệt May Việt Nam, hướng tới mục tiêu Tái cơ cấu Tập đoàn trong giai đoạn 2013 - 2015 đã được Thủ tướng phê duyệt cũng như góp phần quan trọng trong sự phát triển của cả nước.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

2.1.1. Các chỉ tiêu kế hoạch của Vinatex

Bảng dưới đây tóm tắt các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Vinatex trong giai đoạn 2014-2016. Quy mô vốn chủ sở hữu được dự báo sẽ tăng 41% vào cuối giai đoạn 2016, lên mức 9.148 tỷ. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giữ đà tăng trưởng liên tục và đạt 7,8% vào năm 2016.

Bảng 33. Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2014-2016 của Vinatex

Đơn vị: triệu đồng

	2014	2015	2016
Tài sản ngắn hạn	1.987.683	2.261.606	2.485.776
Tài sản dài hạn	7.582.932	10.580.455	11.954.526
Tổng tài sản	9.570.615	12.842.061	14.440.302
Nợ phải trả	3.093.265	5.116.065	5.291.737
Vốn chủ sở hữu	6.477.350	7.725.996	9.148.566
Tổng doanh thu & thu nhập	3.941.394	6.408.793	9.105.664
Chi phí	3.574.677	5.863.730	8.328.359
Lợi nhuận trước thuế	366.717	545.063	777.305
Lợi nhuận sau thuế	355.752	506.612	709.187
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn CSH (=8/5)	5,7%	7,1%	8,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH (=9/5)	5,5%	6,6%	7,8%
Tỷ lệ cổ tức trên vốn góp	5,1%	6,1%	7,1%

Nguồn: Vinatex

Kế hoạch vốn đầu tư của chủ sở hữu trong giai đoạn 2014-2016 cụ thể như sau:

Bảng 34. Kế hoạch tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu giai đoạn 2014-2016

Đơn vị: triệu đồng

	2014	2015	2016
Vốn chủ sở hữu đầu năm	4.786.881	6.477.350	7.725.996
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng thêm trong năm	1.707.404	1.180.000	1.313.000
Lợi nhuận chưa phân phối tăng thêm	16.186	23.051	31.558
Thay đổi các quỹ	(33.121)	45.595	78.011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu cuối năm	6.477.350	7.725.996	9.148.566

Nguồn: Vinatex

Từ năm 2014, Vinatex sẽ phát triển các hoạt động mới là kinh doanh các mặt hàng Dệt May theo hình thức ODM và kinh doanh bông tập trung. Đây sẽ là các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu cho Vinatex bên cạnh nguồn thu từ cổ tức. Doanh thu từ các mặt hàng Dệt May theo hình thức ODM được dự báo có tốc độ tăng trưởng cao do Vinatex sẽ tập trung phát triển thị trường, thiết kế mẫu mã và thông qua các đơn vị thành viên để thực hiện sản xuất. Hoạt động kinh doanh bông tập trung chủ yếu dựa trên nhu cầu của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Việc kinh doanh bông tập trung sẽ mang lại hiệu quả kinh tế về quy mô và mang lại lợi ích chung cho Tập đoàn. Doanh thu từ cổ tức cũng giữ ổn định phù hợp với xu hướng tăng vốn đầu tư của Vinatex vào các doanh nghiệp khác, trong chủ yếu là các công ty trong ngành.

Chi tiết doanh thu của Vinatex trong giai đoạn 2014-2016 như sau:

Bảng 35. Kế hoạch doanh thu giai đoạn 2014-2016 của Vinatex

	Đơn vị: triệu đồng		
	2014	2015	2016
Doanh thu hoạt động	3.604.209	6.005.498	8.622.385
<i>Doanh thu hoạt động kinh doanh Dệt May</i>	3.556.425	5.956.653	8.568.822
<i>Khác</i>	47.784	48.845	53.563
Thu nhập về tài chính	319.164	373.268	440.167
<i>Cổ tức</i>	316.875	370.288	436.716
<i>Khác</i>	2.289	2.980	3.451
Thu nhập khác	18.021	30.027	43.112
Tổng doanh thu và thu nhập	3.941.394	6.408.793	9.105.664

Nguồn: Vinatex

Tổng chi phí của Vinatex sau khi cổ phần hóa tăng đáng kể, chủ yếu do giá vốn của hoạt động kinh doanh bông tập trung. Ngoài ra, để tài trợ cho hoạt động mở rộng kinh doanh và đầu tư dự án mới, Vinatex cũng sẽ tăng sử dụng nguồn vốn vay để tối ưu hóa cơ cấu vốn. Chi phí lãi vay trong giai đoạn 2014-2016 sẽ tăng đáng kể so với năm 2013 chủ yếu do các khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư cho các dự án mới của Vinatex. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng có mức tăng tương ứng với sự tăng trưởng doanh thu trong giai đoạn 2014-2016.

Chi tiết chi phí của Vinatex giai đoạn 2014-2016 được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 36. Cơ cấu chi phí giai đoạn 2014-2016 của Vinatex

	Đơn vị: triệu đồng		
	2014	2015	2016
Giá vốn hàng bán	3.411.149	5.678.037	8.122.098
Chi phí lãi vay	692	11.466	19.225
Chi phí tài chính khác	0	2.275	2.250
Chi phí bán hàng	2.120	2.756	3.307
Chi phí quản lý doanh nghiệp	159.995	167.995	179.755
Chi phí khác	721	1.201	1.724
Tổng chi phí	3.574.677	5.863.730	8.328.359

Nguồn: Vinatex

2.1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Các chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được trình bày dưới đây:

Bảng 37. Kế hoạch tài chính XI nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	2014	2015	2016
Tổng tài sản	76.500	79.500	82.500
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.217	42.217	42.217
Doanh thu và thu nhập khác	75.600	80.500	85.000
Lợi nhuận trước thuế	7.568	9.082	10.595
Lợi nhuận sau thuế	5.903	7.084	8.264
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu (%)	17,93%	21,51%	25,10%
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (%)	13,98%	16,78%	19,58%
Lợi nhuận nộp về Vinatex	5.903	7.084	8.264
Tỉ suất lợi nhuận nộp về Vinatex/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14%	17%	20%

Nguồn: Vinatex

Bảng 38. Kế hoạch tài chính của Trung tâm xử lý nước thải Khu CN Dệt May Phố Nối

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2014	2015	2016
Tổng tài sản	76.000	80.000	83.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	36.000	36.000	45.000
Doanh thu	10.000	12.000	15.000
Lợi nhuận trước thuế	(3.000)	(2.000)	1.000
Lợi nhuận sau thuế	(3.000)	(2.000)	1.000
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu (%)	-8,33%	-5,56%	2,22%
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (%)	-8,33%	-5,56%	2,22%
Lợi nhuận nộp về Vinatex	(3.000)	(2.000)	1.000
Tỉ suất lợi nhuận nộp về Vinatex	-8,33%	-5,56%	2,22%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			

Nguồn: Vinatex

2.1.3. Các chỉ tiêu kế hoạch của các công ty TNHH MTV

Bảng 39. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt 8/3

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2014	2015	2016
Tổng tài sản	300.000	730.000	750.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000	250.000	365.000
Doanh thu và thu nhập khác	240.000	680.000	850.000
Lợi nhuận trước thuế	12.000	33.000	55.000
Lợi nhuận sau thuế	9.000	24.750	41.250
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	8,00%	13,20%	15,07%
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	6,00%	9,90%	11,30%
Lợi nhuận nộp về Vinatex	6.300	17.325	28.875

Tỉ suất lợi nhuận nộp về Vinatex			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4,20%	6,93%	7,91%

Nguồn: Vinatex

Bảng 40. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Xuân

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2014	2015	2016
Tổng tài sản	533.731	740.070	792.708
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	71.191	71.191	71.191
Doanh thu	603.625	892.750	1.109.899
Lợi nhuận trước thuế	20.863	23.469	26.077
Lợi nhuận sau thuế	16.273	18.306	20.340
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	29,31%	32,97%	36,63%
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	22,86%	25,71%	28,57%
Lợi nhuận nộp về Vinatex	11.391	12.814	14.238
Tỉ suất lợi nhuận nộp về Vinatex/Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16%	18%	20%

Nguồn: Vinatex

Bảng 41. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Phương

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2014	2015	2016
Tổng tài sản	260.000	309.000	325.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	164.000	164.000	164.000
Doanh thu và thu nhập khác	260.000	320.000	400.000
Lợi nhuận trước thuế	17.493	26.240	32.800
Lợi nhuận sau thuế	13.120	19.680	24.600
Tỉ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	10,67%	16,00%	20,00%
Tỉ suất Lợi nhuận sau thuế/chủ sở hữu (%)	8,00%	12,00%	15,00%
Lợi nhuận nộp về Vinatex	9.184	13.776	17.220
Tỉ suất Lợi nhuận nộp về Vinatex/Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5,60%	8,40%	10,50%

Nguồn: Vinatex

Bảng 42. Kế hoạch tài chính Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2014	2015	2016
Tổng tài sản	1.431.950	1.614.138	1.883.719
Vốn điều lệ	274.499	274.499	274.499
Doanh thu và thu nhập khác	2.604.138	3.124.966	3.749.959
Lợi nhuận trước thuế	32.025	45.751	54.900
Lợi nhuận sau thuế	24.019	34.313	41.175
Tỉ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	11,67%	16,67%	20,00%
Tỉ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	8,75%	12,50%	15,00%
Lợi nhuận nộp về Vinatex	19.215	27.450	32.940

Tỉ suất lợi nhuận nộp về Vinatex Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7,00%	10,00%	12,00%
---	-------	--------	--------

Nguồn: Vinatex

2.2. Kế hoạch tổ chức và quản trị

- ☐ Tập trung vào các ngành nghề cốt lõi để đảm bảo phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm Dệt May của Tập đoàn.
- ☐ Tái cơ cấu danh mục đầu tư để đảm bảo phù hợp với các ngành nghề cốt lõi:
 - Giảm vốn, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả các các khoản đầu tư ngoài ngành, các tổ chức tài chính;
 - Thực hiện tăng vốn để nắm quyền kiểm soát đối với các công ty mà Tập đoàn nắm giữ vốn điều lệ từ 36% đến 65% mà có kết quả sản xuất kinh doanh hiệu quả và phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn
- ☐ Tăng cường vai trò của Vinatex:
 - Vinatex là đầu mối hoạch định chiến lược phát triển ngắn, trung và dài hạn của Tập đoàn;
 - Vinatex thực hiện ba chức năng nhiệm vụ chính bao gồm:
 1. Quản trị các khoản vốn đầu tư tại các công ty liên kết thông qua Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và người đại diện phần vốn để đảm bảo nguồn vốn Tập đoàn đã đầu tư được bảo toàn, phát triển và hướng hoạt động của các doanh nghiệp này đi theo hướng hoạt động chung của Tập đoàn.
 2. Trực tiếp chỉ đạo và định hướng các công ty Tập đoàn nắm 100% vốn hoặc nắm cổ phần chi phối trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (Tập đoàn chỉ đạo cả về thị trường công nghệ và nhân lực), đầu tư và đóng vai trò nòng cốt để thực hiện chiến lược phát triển chung của toàn Tập đoàn
 3. Hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên dịch chuyển sản xuất theo hướng ODM. Cụ thể: (1) Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn tín dụng với lãi suất hợp lý; (2) Hỗ trợ và phối hợp với các doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực trong ngành Dệt May để nâng cao khả năng của đội ngũ thiết kế, marketing và quản lý; (3) Vận động các cơ quan quản lý nhà nước để đưa ra các chính sách hỗ trợ phát triển các khâu thượng nguồn trong chuỗi giá trị để các doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; (4) Kêu gọi đầu tư, hỗ trợ qui hoạch vùng phát triển nguyên phụ liệu, xây dựng cụm ngành Dệt May và thu hút nguồn vốn FDI phát triển ngành công nghiệp dệt, nhuộm để tạo sự kết nối tốt hơn giữa các khâu kéo sợi, dệt nhuộm và may mặc nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của ngành Dệt May Việt Nam.
 - Quản lý khối các viện trường, đảm bảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học công nghệ
 - Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho Tập đoàn.

2.3. Kế hoạch sản phẩm, thị trường, quy hoạch hoạt động

☞ Sản phẩm

- Đối với nhóm đơn vị Sợi - Dệt - Nhuộm: Đảm bảo khối lượng sản phẩm sản xuất ra cân đối với nhu cầu thực tế của các đơn vị may trong Tập đoàn. Hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu thông qua việc sử dụng các sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước. Trong giai đoạn 2013 - 2017, Vinatex sẽ triển khai hàng loạt các dự án đầu tư mới vào lĩnh vực nguyên liệu với tổng mức đầu tư lên tới gần 9.600 tỷ để hiện thực hóa các mục tiêu kể trên. Chi tiết kế hoạch đầu tư giai đoạn 2013-2017 được trình bày tại Bảng 37.
- Đối với nhóm đơn vị May: tập trung vào nhóm sản phẩm cao cấp, có yêu cầu kỹ thuật cao mà các công ty tư nhân nhỏ lẻ khác không có khả năng sản xuất; Tăng tỷ lệ nội địa hóa hàng Dệt May của Tập đoàn từng bước chuyển từ hình thức gia công sang chủ động sản xuất hàng. Sau khi cổ phần hóa, Vinatex mở rộng thêm hoạt động kinh doanh các mặt hàng ODM dựa trên sự phối hợp với các đơn vị khác trong Tập đoàn. Định hướng chuyển dịch sản xuất lên ODM của Vinatex được thực hiện xuyên suốt trong các hoạt động từ phát triển sản phẩm với chất lượng và mẫu mã phù hợp đến việc tính toán giá thành sản phẩm cạnh tranh; công tác truyền thông cũng phải được đẩy mạnh để thúc đẩy xuất khẩu và thu hút đầu tư; chất lượng lao động được cải thiện, nâng cao chuyên môn đặc biệt là các lĩnh vực còn hạn chế như thiết kế.

☞ Thị trường:

- Đẩy mạnh thị phần và kim ngạch xuất khẩu hàng Dệt May của Tập đoàn sang các thị trường chính là Mỹ, EU và Nhật Bản thông qua việc nâng cao chất lượng dự báo và đánh giá thị trường.
- Tìm kiếm và khai thác cơ hội tại các thị trường tiềm năng khác như Hàn Quốc, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Đông, Trung Quốc.
- Củng cố các thương hiệu hiện có, lựa chọn một số thương hiệu liên quan tới các mặt hàng chủ đạo của Tập đoàn để phát triển chiếm lĩnh thị trường nội địa trước khi phát triển ra thị trường nước ngoài.
- Mở rộng hệ thống siêu thị, điểm bán hàng của Vinatex mart, đặc biệt hướng tới khu vực nông thôn, nơi chiếm tới 70% dân số của cả nước.

☞ Quy hoạch hoạt động:

- Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, gần các khu công nghiệp sản xuất Sợi - Dệt - Nhuộm
- Đầu tư hình thành các khối khu công nghiệp tập trung dệt nhuộm sợi, với các nhà máy may phân bố xung quanh các khu công nghiệp này. Ngoài ra, còn hình thành các trung tâm nghiên cứu, các viện thiết kế để tạo thành các điểm cung cấp sản phẩm khép kín từ thiết kế tới đầu ra sản phẩm.
- Từng bước di dời các nhà máy may về các địa phương có nguồn lao động và thuận lợi giao thông. Địa bàn trọng điểm tập trung tại miền Trung từ Thanh Hóa tới Bình Định.

2.4. Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ và nghiên cứu phát triển sản phẩm

☞ Khoa học công nghệ

- Làm chủ khả năng thiết kế quy trình công nghệ, tối ưu hóa hoạt động của các khâu: sản xuất nguyên liệu, sản xuất sợi cao cấp, sản xuất vải dệt thoi, dệt kim, may và thiết kế thời trang.
- Nghiên cứu, xây dựng và tìm đối tác nghiên cứu trong lĩnh vực: khoa học công nghệ, thiết bị ngành sợi Dệt May, chế biến nguyên phụ liệu đầu vào nhằm hạn chế sự phụ thuộc trong quá trình sản xuất.

☞ Nghiên cứu phát triển sản phẩm

- Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm sẽ được thực hiện tại hệ thống các trường và viện nghiên cứu của Vinatex. Đẩy mạnh và tăng cường sự liên kết giữa các trường, viện nghiên cứu với các doanh nghiệp thành viên nhằm đảm bảo công tác nghiên cứu nắm bắt được nhu cầu thực tế và có tính hiệu quả thương mại cao.

2.5. Kế hoạch vay vốn

Dự án tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước của ADB áp dụng cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam là dự án thành phần thuộc chương trình: "Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty". Dự án này gồm hai cấu phần:

- Khoản cho vay OCR nhằm hỗ trợ tái cấu trúc nợ cho Công ty Mẹ VINATEX và các công ty con.
- Khoản cho vay ADF là để hỗ trợ việc thực hiện tái cấu trúc tổ chức, bao gồm tăng cường các về chuẩn mực quản trị doanh nghiệp.

Việc tham gia dự án này sẽ có tác động hỗ trợ, tăng hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính cũng như khắc phục và giải quyết các vấn đề đang tồn tại trong Tập đoàn và các công ty con. Về mặt bản chất, dự án tái cấu trúc VINATEX phù hợp với đề án tái cơ cấu VINATEX đã được chính phủ phê duyệt. Chính vì vậy, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 727/QĐ-TTg ngày 19/5/2014 về việc: "Phê duyệt danh mục dự án 2 – Chương trình: "cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty", vay vốn ADB.

Tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc: "Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam" có đề cập tại Khoản 2, điều 2 theo đó: " ... Tập đoàn được tiếp tục vay vốn từ nguồn ADB để tái cấu trúc lại Tập đoàn".

Như vậy, ADB sẽ hỗ trợ cho Vinatex và các doanh nghiệp thành viên một khoản vay trên 100 triệu USD để tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và 5 triệu USD để:

- ☞ Thuê tư vấn để Xây dựng hệ thống quản trị cho công ty mẹ Tập đoàn: 1 triệu USD.
- ☞ Thuê tư vấn để xây dựng chiến lược phát triển cho Vinatexmart: 1 triệu USD.
- ☞ Thuê tư vấn Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin: 3 triệu USD

3. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá

Dự án	KC-HT	Quy mô (Cọc sợi)	Sản lượng tán/năm (Ne30)	TMĐT Vốn Cố định (tỷ đồng)	Vốn chủ SH (=35%)	Vốn vay TM (=65%)	Kế hoạch vốn Chủ Sở hữu				Kế hoạch vốn vay			
							2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017
TỔNG		272.000		11.581,0	4.435,4	7.145,6	821,0	1.310,0	1.404,0	900,4	1.465,0	2.276,0	2.130,0	1.274,6
NGÀNH SỢI				3.400,0	1.336,3	2.063,7	601,0	254,0	228,0	353,3	831,0	384,0	418,0	430,7
Dự án N/m Sợi Phụ Hưng	GD1:2013- 2014	21.600	8.800	480,0	179,0	301,0	179,0				301,0			
	GD2:2016- 2017	18.400		220,0	77,3	142,7				77,3				142,7
Dự án N/m Sợi Nam Định	GD1:2014- 2015	20.000	8.800	240,0	96,0	144,0	96,0				144,0			
	GD2:2016- 2017	20.000		240,0	96,0	144,0				96,0				144,0
Dự án N/m sợi Phụ Cường (KCN Định Quán - Đông Nai)	GD1:2014- 2015	20.000	8.800	240,0	96,0	144,0	96,0				144,0			
	GD2:2016- 2017	20.000		240,0	96,0	144,0				96,0				144,0

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
 Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Dự án N/m Sợi tại Quế Sơn	2016-2017	30.000	6.600	360,0	144,0	216,0						60,0	84,0			0,0	216,0	
Dự án N/m Sợi Đồng Văn 2	2014-2015	36.000	7.920	410,0	164,0	246,0	80,0	84,0						149,0		97,0		
Dự án N/m Sợi	2015-2016	36.000	7.920	410,0	164,0	246,0		80,0	84,0							149,0	97,0	
Dự án N/m Sợi Yên Mỹ	2014-2015	20.000		200,0	80,0	120,0	50,0	30,0								27,0		
Dự án N/m Sợi Khoai Châu	2015 - 2016	30.000	6.600	360,0	144,0	216,0		60,0	84,0							111,0	105,0	
DỆT NHUỘM				6.071,0	2.249,1	3.821,9	120,0	670,0	912,0	547,1	261,0	1.282,0	1.435,0	843,9				
Dự án xây dựng nhà máy xơ Viscose (nghiên cứu tiền khả thi)	2014-2017		30.000 lần/năm	2.386,0	835,1	1.550,9		200,0	310,0	325,1	0,0	371,0	576,0	603,9				

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHUNG
 Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Dự án khả thi sản xuất nhóm sản phẩm mới Dệt Len lông cừu	2014-2017	- Số 2 vện cọc sợi - Dệt 14 triệu m / năm - Nhuộm hoàn tất : 15 tr m / năm	1884 tấn sợi len C.số 54/ năm	1.200,0	420,0	780,0					100,0	200,0	120,0	0,0	186,0	371,0	223,0
Dự án sản xuất vải yamdyed phía Nam	2014-2015	6 triệu mét/năm	6 triệu mét/năm	275,0	110,0	165,0	30,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0		56,0	74,0	35,0	
Dự án sản xuất vải yamdyed tại Nam Định	2015-2016	6 triệu mét/năm	6 triệu mét/năm	250,0	100,0	150,0		20,0	40,0	40,0	20,0	40,0	40,0	37,0	74,0	39,0	
Dự án đầu tư N/m Dệt nhuộm vải thời	2014-2017	12 triệu mét/năm	2.500 t/n	680,0	272,0	408,0	50,0	80,0	80,0	80,0	80,0	80,0	62,0	93,0	149,0	149,0	17,0
Dự án Nhà máy dệt vải mộc vải dệt kim	2014-2016	4000 tấn/năm	4000 t/n	160,0	64,0	96,0	10,0	30,0	24,0	24,0	30,0	24,0		19,0	56,0	21,0	
Dự án Nhà máy nhuộm dệt kim	2014-2016	4000 tấn/năm	4000 t/n	220,0	88,0	132,0	10,0	50,0	28,0	28,0	50,0	28,0		19,0	93,0	20,0	
Dự án Nm dệt nhuộm vải dệt kim	2014-2016	6000 tấn/năm	6000 t/n	600,0	240,0	360,0	20,0	100,0	120,0	120,0	100,0	120,0		37,0	186,0	137,0	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
 Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Dự án mở rộng năng lực sản xuất dệt kim tại Cty DK Đông Phương	2015-2016	3000 tấn/năm	3000 t/n	300,0	120,0	180,0			50,0	70,0			93,0	87,0
NGÀNH MAY				1.100,0	440,0	660,0	80,0	160,0	200,0	0,0	149,0	0,0	297,0	214,0
Dự án đầu tư 300 chuyên may miền Trung	2014-2016	300 chuyên may		400,0	160,0	240,0	30,0	60,0	70,0		56,0		111,0	73,0
Dự án đầu tư 300 chuyên may phía Bắc	2014-2016	300 chuyên may		700,0	280,0	420,0	50,0	100,0	130,0		93,0		186,0	141,0
NGUYÊN LIỆU				1.010,0	410,0	600,0	120,0	226,0	64,0	0,0	224,0	0,0	313,0	63,0
Dự án bông trang trại	2014-2015	1000 ha		200,0	80,0	120,0	30,0	50,0			56,0		64,0	
Dự án bông trang trại	2014-2015	1000 ha		200,0	80,0	120,0	30,0	50,0			56,0		64,0	
Dự án bông trang trại	2014-2015	1000 ha		200,0	80,0	120,0	30,0	50,0			56,0		64,0	
Dự án cây bạch đàn	2014-2015	7000 ha		140,0	56,0	84,0	30,0	26,0			56,0		28,0	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
 Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Dự án cây bạch đàn	2015-2016	5000 ha	110,0	50,0	60,0		20,0	30,0			37,0	23,0
Dự án cây bạch đàn	2015-2016	8000 ha	160,0	64,0	96,0		30,0	34,0			56,0	40,0

Nguồn: Vinatex

4. Năng lực của Vinatex – Phân tích SWOT

4.1. Điểm mạnh

- ☞ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trên 50 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp Dệt May, phục vụ cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu (những thị trường xuất khẩu Dệt May chính: Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản); có mối quan hệ lâu dài với các đối tác lớn trên toàn cầu.
- ☞ Vinatex là đơn vị dẫn đầu ngành Dệt May Việt Nam, chiếm trên 15% tổng kim ngạch xuất khẩu Dệt May toàn ngành.
- ☞ Vinatex có đầy đủ các thành phần cần thiết để xây dựng chuỗi cung ứng hoàn chỉnh (Sợi - Dệt - Nhuộm hoàn tất, May và khâu nghiên cứu đào tạo), làm nền tảng để Vinatex tiến từ hình thức CMT gia công thuần túy lên hình thức sản xuất xuất khẩu ODM.
- ☞ Với thị trường nội địa, Vinatex sở hữu kênh phân phối nội địa Vinatexmart phủ khắp cả nước với hơn 50 đơn vị bán lẻ hàng may mặc. Ngoài ra, các công ty thành viên của Vinatex như Hanosimex, May 10, Việt Tiến, Phong Phú, Việt Thắng, Nhà Bè...vv cũng tự xây dựng các cửa hàng thời trang mang nhãn hiệu riêng phục vụ thị trường nội địa.
- ☞ Ngành may đã đạt đến trình độ tiên tiến, có khả năng thực hiện được hầu hết mọi loại đơn hàng với cấp chất lượng khác nhau.

4.2. Điểm yếu (của cả các Công ty con và Công ty liên kết của Vinatex)

- ☞ Vinatex chưa có một chiến lược phát triển đồng bộ, dẫn đến mối liên hệ giữa các thành viên trong Tập đoàn còn yếu, thiếu hiệu quả trong việc hạn chế cạnh tranh giữa các thành viên trong Tập đoàn.
- ☞ Ở cấp độ toàn Tập đoàn (bao gồm cả các công ty con và công ty liên kết của Vinatex), mặc dù ngành may đạt được trình độ tiên tiến nhưng các ngành khác như Sợi – Dệt vải – Nhuộm/Hoàn tất chưa phát triển đáp ứng đầy đủ nhu cầu của ngành may, đơn cử:
 - ☞ **Ngành Sợi:** Toàn Tập đoàn hiện có 87 ngàn cọc sợi trong khi số cọc sợi toàn ngành vào khoảng 4 triệu cọc. Trong khi năng lực sản xuất vải và may mặc tăng từ 3-10% mỗi năm thì năng lực sản xuất xơ lại không tăng tương ứng.
 - ☞ **Ngành Dệt thoi:** Các Công ty trong Tập đoàn chuyên làm dệt thoi khá hạn chế. Tổng năng lực chỉ đạt 200 triệu mét mỗi năm. Nếu so với khối FDI và tư nhân thì quy mô sản xuất dệt thoi của toàn Tập đoàn khá nhỏ, và sản phẩm đưa ra ở chất lượng thấp và trung bình, chủ yếu dùng cho thị trường nội địa.
 - ☞ **Ngành Dệt kim:** Có khá ít doanh nghiệp Dệt kim có năng lực cạnh tranh tốt. Tổng năng lực dệt kim toàn Tập đoàn chỉ 10 ngàn tấn mỗi năm, trong khi năng lực sản xuất hàng Dệt kim của toàn ngành Dệt May Việt Nam là khoảng 200 ngàn tấn/năm.
 - ☞ **Ngành May mặc:** mặc dù phát triển mạnh hơn các ngành khác trong chuỗi cung ứng hàng Dệt May nhưng lại chủ yếu dựa vào may gia công và sản xuất các sản phẩm mang giá trị gia tăng thấp do năng lực cung ứng nguyên phụ liệu Dệt May của Việt Nam còn yếu.

- ☞ Quy mô vốn nhỏ (vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ có 4.686 tỷ đồng, và đầu tư dàn trải dẫn đến việc chưa tạo được sự cân bằng tài chính cần thiết, hạn chế về vốn đầu tư phát triển, thiếu vốn đầu tư cho các lĩnh vực kéo sợi, dệt vải (Dệt thoi, Dệt kim), cũng như ngành Nhuộm/Hoàn tất.
- ☞ Hoạt động quản trị doanh nghiệp còn hạn chế và vai trò của Công ty Mẹ - Tập đoàn chưa thực sự nổi bật.

4.3. Cơ hội

- ☞ Thị trường Dệt May toàn cầu đang có xu hướng mở rộng và phát triển, những thị trường xuất khẩu chính của Vinatex (Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản) đang có xu hướng tăng trưởng, sau giai đoạn khủng hoảng 2008-2011.
- ☞ Vinatex có cơ hội tận dụng các lợi ích do các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương mà Chính phủ Việt Nam đang đàm phán như Hiệp định TPP, FTA Việt Nam – EU, FTA Việt Nam - Nga. Nhiều dòng thuế mà Hoa Kỳ và Châu Âu đang áp trên các sản phẩm Dệt May nhập khẩu từ Việt Nam có thể được giảm từ mức trung bình 17% xuống còn 0%.
- ☞ Xu hướng chuyển dịch đơn hàng cũng như đầu tư Dệt May vào Việt Nam do lợi thế về chi phí nhân công, chính trị ổn định và cơ hội từ các Hiệp định Thương mại.
- ☞ Thị trường Dệt May nội địa vẫn còn nhiều tiềm năng với tăng trưởng ổn định ít nhất từ 10-12%/năm.

4.4. Thách thức

- ☞ Ngành Dệt May Việt Nam nói chung, cũng như Vinatex nói riêng phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường thế giới. Trung Quốc luôn là một đối thủ cạnh tranh lớn nhất của Việt Nam. Trong khi đó, một số đối thủ cạnh tranh mới nổi khác (có lợi thế về giá nhân công thấp hơn Việt Nam) như Campuchia, Lào, Myanmar đang đe dọa đến thị phần của Việt Nam trên thị trường Dệt May toàn cầu.
- ☞ Mặc dù Việt Nam đặt kỳ vọng có được lợi ích từ các Hiệp định thương mại, tuy nhiên các rào cản thuế quan và phí thuế quan ngày càng tinh vi và phức tạp hơn. Nếu Tập đoàn không đầu tư để nâng cao năng lực sản xuất, cho phù hợp với các điều kiện đặt ra của các Hiệp định thương mại này thì có thể Tập đoàn sẽ không đạt được các lợi ích như mong đợi từ các Hiệp định này, kết quả là sức cạnh tranh của Vinatex so với khối tư nhân và FDI (vốn đã chiếm tới 80% thị phần trong ngành công nghiệp may mặc của Việt Nam và có lợi thế về vốn, công nghệ, sự linh hoạt) có thể sẽ suy giảm hơn nữa.
- ☞ Xu hướng chuyển dịch đơn hàng sản xuất từ Trung Quốc tới Việt Nam sẽ gây sức cạnh tranh lớn hơn nữa trong ngành may mặc Việt Nam. Kể cả một số Công ty Dệt May của Trung Quốc, Hồng Kong cũng đang tìm hướng đầu tư các nhà máy tại Việt Nam như Texhong, Sunrise. Năm 2012, Texhong đã đầu tư (giai đoạn 1) và từ Quý 1/2013 đã đưa vào hoạt động 170,000 cọc sợi tại Móng Cái, Quảng Ninh với công suất 25,000 tấn sợi/năm. Công ty Sunrise (Trung Quốc) đã hoàn tất các thủ tục thuê đất tại Khu công nghiệp Bảo Minh, Nam Định để đầu tư 30,000 cọc sợi với tổng mức đầu tư dự kiến là 12 triệu USD.

- ☞ Khoảng cách giàu nghèo lớn giữa khu vực thành thị và nông thôn. Doanh số bán lẻ hàng may mặc chủ yếu đến từ khu vực thành thị, nơi chỉ chiếm 30% tổng dân số Việt Nam.
- ☞ Nguy cơ thiếu hụt lao động chất lượng cao và phải cạnh tranh trong thu hút lao động với các ngành công nghiệp khác của Việt nam trong khi chi phí lương mỗi năm tăng bình quân 20% (dự báo lương trung bình trong 3-4 năm tới có thể tăng lên 500 USD/tháng).

PHẦN VIII. THÔNG TIN LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

I. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

Các nhân tố rủi ro được mô tả sau có thể sẽ mang ảnh hưởng trọng yếu đến quan điểm và quyết định của nhà đầu tư. Vinatex đang hoạt động trong một lĩnh vực có mức độ cạnh tranh cao, và những yếu tố môi trường và nội tại sẽ có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp lên giá trị khoản đầu tư của Vinatex. Nhà đầu tư cần cẩn trọng cân nhắc các yếu tố rủi ro này, và trong trường hợp các rủi ro dưới đây diễn ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinatex có thể sẽ bị ảnh hưởng, dẫn tới sự sụt giảm một phần hoặc toàn bộ giá trị khoản đầu tư.

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế nói chung và doanh thu của tập đoàn nói riêng. Giai đoạn từ năm 2010 tới năm 2013, do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có chậm lại bình quân xấp xỉ 5,8%/năm (tương ứng là 6,4%, 6,2%, 5,2% và 5,4% trong năm 2013)⁹. Điều này cho thấy bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đang trong giai đoạn khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính. Những yếu tố vĩ mô chưa thật sự ổn định là rủi ro cho những doanh nghiệp, những chủ thể đang vận hành trong nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung và tại các thị trường xuất khẩu chính của Vinatex nói riêng sẽ có ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ sản phẩm đầu ra của Vinatex tại các thị trường này. Tại Hoa Kỳ, tốc độ tăng trưởng Quý I/2014 đạt 0,1%, thấp hơn mức 1% dự kiến¹⁰ (tốc độ tăng trưởng thời kỳ 2011 - 2013 lần lượt là 3,85%, 3,80% và 4,08%). Tại Châu Âu, tốc độ tăng trưởng các năm 2011 - 2013 là 1,6%, -0,4% và 0,1%¹¹, của Nhật Bản cùng kỳ là -0,6%, 0,2% và 0,7%¹². Nền kinh tế thế giới vẫn đang trong thời kỳ phục hồi sau khủng hoảng với tốc độ tương đối chậm.

1.2. Tốc độ tỷ giá hối đoái

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, đi vay và các tài sản và nợ phải trả tiền tệ bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND.

Trong những năm gần đây, tỷ giá hối đoái giữa VND với USD và EUR ở mức tương đối ổn định. Trong khi đó, tình trạng suy thoái kéo dài, cũng như thâm hụt cán cân ngân sách tại Nhật Bản khiến đồng JPY sụt giảm giá trị so với VND.

⁹ Nguồn: World bank,

<http://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG/countries/VN?display=default>

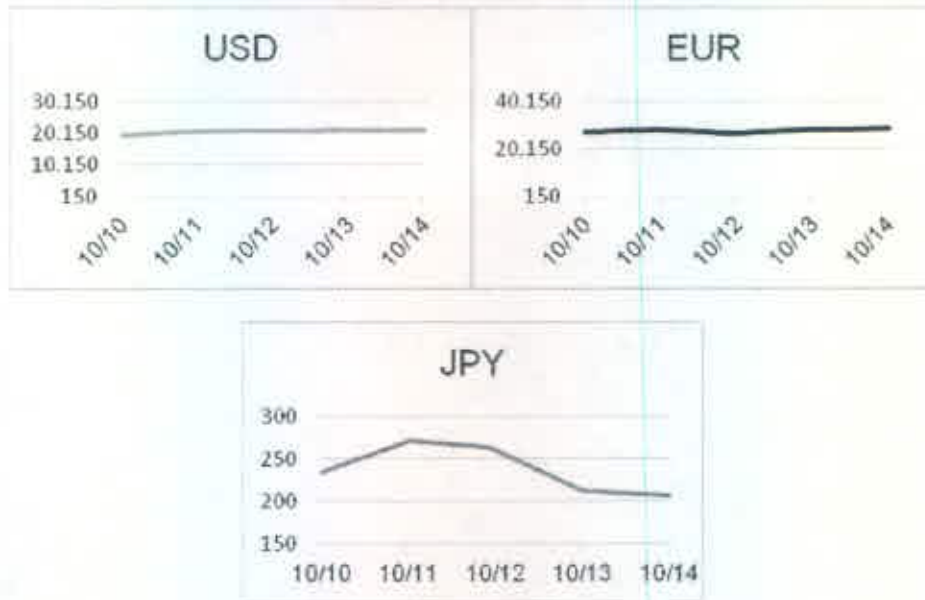
¹⁰ Nguồn: Bộ Thương Mại Mỹ, <http://www.bea.gov/national/index.htm#gdp>

¹¹ Nguồn: Eurostat, <http://epp.eurostat.ec.europa.eu/tgm/>

table.do?tab=table&init=1&plugin=1&language=en&pcode=tec00115

¹² Nguồn: World Bank, <http://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG>

Bảng 43: Tỷ giá hối đoái VND với USD, EUR và JPY



Nguồn: Bloomberg

Các rủi ro về ngoại hối có tác động mạnh tới các đơn vị thành viên của Tập đoàn do các giao dịch nhập khẩu và xuất khẩu được chủ yếu thực hiện trực tiếp những đơn vị này. Kim ngạch xuất khẩu tính đủ của toàn Tập đoàn đạt 2.011 tỷ đồng, trong khi kim ngạch nhập khẩu tính đủ đạt 1.114 tỷ đồng.

Ngoại tệ tại các thị trường xuất khẩu chính của Vinatex (Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản) yếu đi so với VND.

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, hoạt động chủ yếu khác của Vinatex là đầu tư tài chính và nguồn thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con và công ty liên kết, các khoản góp vốn đều bằng VND. Tại 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có hai khoản tài sản tiền tệ bằng ngoại tệ có giá trị lần lượt là 28.146 USD và 223 EUR. Rủi ro hối đoái đối với Công ty Mẹ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được đơn vị kiểm toán của Tập đoàn đánh giá tại thời điểm 31/12/2013 là không trọng yếu.

1.3. Rủi ro lạm phát

Lạm phát khiến cho sức mua và dòng tiền của Vinatex giảm giá trị qua các năm. Mức độ trọng yếu của rủi ro từ lạm phát xuất phát từ tính ổn định của tình hình lạm phát.

Trong đầu năm 2014, Việt Nam đã có mức tăng lạm phát theo tháng thấp nhất trong hơn thập niên qua. Trong vòng 13 năm qua, mức tăng giá cả trung bình theo tháng trong 4 tháng đầu năm là 1%, trong khi vào đầu năm 2014, lạm phát chỉ tăng trung bình 0,2%. Lạm phát thời kỳ 2010 – 2013 lần lượt là 8,9%, 18,7%, 9,1%, và 6,6%¹³. Tình trạng lạm phát tại

¹³ Nguồn: World bank, <http://data.worldbank.org/indicator/FP.CPI.TOTL.ZG>

Việt Nam trong thời kỳ vừa qua đang dần đi vào ổn định, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ lạm phát bùng phát trở lại.

1.4. Rủi ro về lãi suất

Vinatex chịu rủi ro về lãi suất xuất phát từ các khoản công nợ chịu lãi suất thả nổi của Vinatex. Mặt bằng lãi suất tăng (giảm) dẫn tới lãi suất thả nổi tăng (giảm), từ đó sẽ gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính và lợi nhuận của Vinatex cũng như của các Công ty thành viên trong Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Vinatex có khoản nợ 5,39 tỷ VND¹⁴ chịu lãi suất thả nổi. Theo đánh giá của đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Vinatex, khi lãi suất tăng (giảm) 100 điểm cơ bản, lợi nhuận của Vinatex sẽ giảm (tăng) 53 triệu VND, với giả định tất cả các biến số khác không đổi.

2. Rủi ro về luật pháp

2.1. Các quy định pháp luật nói chung tại Việt Nam

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinatex và các đơn vị thành viên của Tập đoàn chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, ... Nếu sau đợt chào bán, Vinatex trở thành công ty cổ phần đại chúng, Vinatex còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể mang tới thuận lợi hoặc bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Vinatex. Để hạn chế rủi ro này, Vinatex luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

2.2. Các quy định pháp luật và chế tài đặc thù của ngành Dệt May

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinatex và các Công ty liên kết chịu sự điều phối của các chế tài, quy định trong ngành Dệt May, trong đó các chế tài đặc thù có độ ảnh hưởng lớn nhất bao gồm:

2.2.1. Rủi ro rào cản thương mại tại thị trường nước ngoài

Các rào cản thương mại thường được thiết lập với mục đích hạn chế sự cạnh tranh và tăng trưởng của hàng hóa nhập khẩu nói chung và hàng Dệt May Việt Nam nói riêng so với sản phẩm của nước sở tại. Những rào cản này khá khác biệt theo từng thị trường nhập khẩu, với nhiều hình thức đa dạng như hạn ngạch nhập khẩu, các quy định về chất lượng, nhãn mác xuất xứ, bao bì sản phẩm, tiêu chuẩn an toàn sản phẩm đối với các sản phẩm Dệt May, chống bán phá giá, sử dụng trẻ em dưới độ tuổi lao động, chống trợ cấp xuất khẩu dưới các hình thức trực tiếp và gián tiếp, sản xuất gắn với các chuẩn mực về bảo vệ môi trường. Những rào cản thương mại này đặt ra điều kiện tuân thủ với Vinatex và các đơn vị thành viên của

¹⁴ Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Vinatex

Tập đoàn. Việc vi phạm bất kỳ quy định nào tại thị trường nước ngoài sẽ không chỉ ảnh hưởng tới doanh thu của các công ty này qua các mức phạt tài chính mà còn có thể làm suy giảm hình ảnh thương hiệu Vinatex, thương hiệu của các đơn vị thành viên của Tập đoàn cũng như của hàng hóa xuất xứ Việt Nam tại thị trường nước ngoài.

2.2.2. Rủi ro hiệp định thương mại tự do TPP, cũng như các hiệp định thương mại tự do khác không được thông qua

Trong thời điểm hiện tại, hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) mà Việt Nam đang tham gia tích cực các vòng đàm phán khi được ký kết sẽ khiến cho thuế suất nhập khẩu hàng Dệt May tại các nước tham gia hiệp định giảm theo lộ trình xuống 0%, tăng tính cạnh tranh của hàng Dệt May Việt Nam trên thị trường quốc tế. Kế hoạch kinh doanh của Vinatex và các đơn vị thành viên trong những năm tới nhiều khả năng đã bao hàm cả kỳ vọng trường hợp TPP và các Hiệp định thương mại tự do khác được ký kết. Trường hợp TPP không được thông qua, hoặc Việt Nam rút ra khỏi vòng đàm phán Hiệp định TPP khi các thỏa thuận đa phương diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi cho Việt Nam, Vinatex và các Công ty thành viên có thể sẽ không hiện thực hóa được các lợi ích của Hiệp định theo như kế hoạch kinh doanh đã định trước.

2.2.3. Rủi ro từ các chính sách và quy định pháp lý trong nước với ngành Dệt May

Hiện tại, các doanh nghiệp trong ngành đang được hưởng nhiều ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 và Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007. Mức thuế suất của một số mặt hàng nguyên liệu phục vụ cho ngành Dệt May như sợi filament tổng hợp, sợi polystyren loại dân, sợi nylon chuyên dụng... cũng đang nằm trong chính sách ưu đãi. Không có gì đảm bảo các chính sách trên sẽ được tiếp tục trong tương lai. Trong trường hợp các chính sách trên bị thay đổi hoặc ngưng tiếp tục sẽ có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đến kế hoạch kinh doanh của Vinatex và các Công ty trực thuộc, công ty liên kết của Vinatex.

Các công ty trong ngành đồng thời cũng đang chịu sự kiểm soát chặt chẽ của các quy định về bảo vệ môi trường, dưới hình thức thuế bảo vệ môi trường, các quy chuẩn về nước thải công nghiệp nói chung (QCVN 40:2011/BTNMT) và quy chuẩn về nước thải Dệt May nói riêng (QCVN 13: 2008/BTNMT), Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 12/12/2005 và Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Theo Quyết Định số 3218/QĐ-BCT ngày 11 tháng 04 năm 2014 về "Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030", việc phát triển ngành Dệt May phải đi kèm với việc lựa chọn công nghệ phù hợp theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm và ít gây ô nhiễm môi trường. Do đó, có khả năng các quy định nêu trên sẽ diễn biến theo chiều hướng ngày càng khắt khe, đặt ra yêu cầu về tuân thủ với Vinatex và các đơn vị thành viên.

2.3. Rủi ro từ các quy định với các khách hàng của Vinatex

Các đơn vị phân phối của Vinatex trong nước chịu sự kiểm soát chung của Luật doanh nghiệp và Luật thương mại. Các đơn vị phân phối và tiêu thụ sản phẩm của Vinatex tại thị trường nước ngoài chịu sự kiểm soát khắt khe hơn về chất lượng sản phẩm, nhãn mác, bao bì và xuất xứ hàng hóa. Đây là trách nhiệm chung của đơn vị đơn vị nhập khẩu và phân phối. Trong trường hợp không tuân thủ, đơn vị nhập khẩu/phân phối sẽ phải chịu mức phạt tùy theo mức độ nghiêm trọng, đồng thời có thể bị hạn chế hạn ngạch/tức bỏ giấy phép kinh doanh/nhập khẩu, gây ảnh hưởng đến đầu ra của sản phẩm của Vinatex cũng như các đơn vị thành viên.

3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro chung, Công ty còn đứng trước một số rủi ro đặc thù xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh và quá trình tác nghiệp của chính Tập đoàn.

3.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vinatex phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty thành viên, công ty liên kết

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 78% doanh thu của Vinatex đến từ hoạt động tài chính, chủ yếu là cổ tức nhận được từ các công ty thành viên, công ty liên kết. Vinatex có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các công ty này thông qua việc chi phối vốn và người đại diện vốn của Vinatex tham gia những chức vụ quan trọng tại các công ty này như Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc... Giá trị các khoản đầu tư trên chịu ảnh hưởng của các yếu tố về kinh tế vĩ mô, diễn biến lãi suất và kết quả hoạt động kinh doanh của chính các công ty đó. Nguồn thu cổ tức xuất phát từ kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận, có khả năng tác động trực tiếp lên giá trị cổ phần của Vinatex.

3.2. Rủi ro về cạnh tranh

Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp Dệt May mới làm gia tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa. Ngoài ra, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với lộ trình dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và phí thuế quan đang thu hút sự tham gia các công ty hoạt động trong lĩnh vực Dệt May từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Từ đó, ngày một hình thành môi trường cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm, thị phần. Việc tăng tốc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm là hết sức cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp Dệt May nói chung và Vinatex nói riêng.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường tài chính nói chung chịu ảnh hưởng của lạm phát và tác động của thị trường tài chính quốc tế. Do tâm lý nhà đầu tư chịu tác động từ tình hình thị trường chung nên kết quả đợt bán đấu giá cổ phần Công ty cũng không nằm ngoài ảnh hưởng của tình hình thị trường tại thời điểm đấu giá. Hơn nữa, đây là

đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành, vì vậy có thể có rủi ro không bán hết số cổ phiếu chào bán. Trong trường hợp đó Tổ chức chào bán sẽ quyết định phương án phân phối số cổ phần chưa chào bán hết theo các quy định hiện hành.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo ... Những hiện tượng này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinatex, thậm chí dẫn đến ngừng trệ hay chấm dứt tồn tại.

II. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán cổ phần

1.1. Đối với người lao động

Đối tượng mua cổ phần bao gồm CBCNV của Công ty, Công đoàn Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (Theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

- ☒ Cổ phần phát hành cho CBCNV được phân phối theo danh sách được duyệt.
- ☒ Cổ phần phát hành cho các nhà đầu tư khác được phân phối thông qua hình thức đấu giá công khai.

1.1.1. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi theo thâm niên công tác

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là "Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)", theo đó:

- ☒ Tổng số lao động: 4.766 người.
- ☒ Tổng số lao động được mua ưu đãi: 3.445 người.
- ☒ Tổng số năm công tác: 23.131 năm.
- ☒ Tổng số cổ phần được mua ưu đãi (với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất): 2.313.100 cổ phần.

1.1.2. Cổ phần ưu đãi người lao động được mua thêm theo cam kết làm việc

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là "Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao



động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)". Theo đó:

- ☒ Tổng số lao động thuộc đối tượng có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp: 406 người.
- ☒ Tổng số cổ phần ưu đãi đăng ký mua thêm (với giá bán bằng giá đấu thành công thấp nhất): 687.750 cổ phần.

1.2. Đối với nhà đầu tư chiến lược

1.2.1. Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Theo Phương án cổ phần hóa được phê duyệt, tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là 120.000.000 cổ phần, tương đương 24% vốn điều lệ của Vinatex. Tuy nhiên số cổ phần này sẽ thực hiện theo phê duyệt của Thủ tướng và sẽ thực hiện phương án bán cho nhà đầu tư chiến lược trước khi bán đấu giá công khai.

1.3. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá

- ☒ Phương thức bán cổ phần: Đấu giá công khai.
- ☒ Địa điểm: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- ☒ Tổ chức tài chính trung gian tư vấn bán cổ phần: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ☒ Giá bán khởi điểm dự kiến: 11.000 đồng/ cổ phiếu.

2. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần

- ☒ Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.
- ☒ Đối với CBCNV và tổ chức công đoàn: Sau khi tổ chức bán đấu giá ra bên ngoài và xác định giá đấu thành công.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA

	Giá trị
Vốn Điều lệ	5.000.000.000.000
Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	4.299.595.911.499
Vốn phát hành thêm	700.404.088.501
Tổng số tiền thu được	2.695.000.000.000
<i>Thu theo mệnh giá</i>	<i>2.450.000.000.000</i>
<i>Chênh lệch tăng</i>	<i>245.000.000.000</i>
Tổng số tiền thu được do bán cho người lao động	25.444.100.000
Tổng số tiền bán cho người lao động mua thêm.....	7.565.250.000
Tổng số tiền bán cho nhà đầu tư chiến lược.....	1.320.000.000.000
Tổng số tiền thu bán đấu giá	1.341.990.650.000
Thặng dư vốn.....	245.000.000.000
Các khoản trừ	10.228.784.183
Chênh lệch sau khi trừ các khoản Chi phí.....	234.771.215.817
Phân chia chênh lệch theo tỷ lệ phát hành thêm	
Tỷ lệ vốn phát hành thêm	14,00%
<i>Để lại.....</i>	<i>32.867.970.214</i>
<i>Nộp ngân sách.....</i>	<i>201.903.245.603</i>
Số còn lại nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	1.941.321.517.102
Vốn để lại Tập đoàn	5.032.867.970.214
<i>Vốn điều lệ</i>	<i>5.000.000.000.000</i>
<i>Chênh lệch tăng thêm.....</i>	<i>32.867.970.214</i>

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2014

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
ỦY VIÊN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM



Trần Quang Nghị

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Nguyễn Hạnh

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Thu Thanh



WASHINGTON
D.C.
MAY 19 1964

Phụ lục

I. Danh sách một số hợp đồng đang thực hiện hoặc đã ký kết

1. Xí nghiệp SXKD veston Hải Phòng

Tên Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
OKTAVA CO., LTD (HONG KONG)	Oktava	Veston	Theo đơn hàng	
Hợp đồng hàng Misui	Misui	Veston	Theo đơn hàng	
Hợp đồng hàng Việt Anh	Việt Anh	Veston, váy	Theo đơn hàng	
HHVT/014022	Công ty TNHH may mặc Hoa Hải	Veston hàng giặt	1 năm	1/1/2014

2. Dopimex

Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị	Thời gian thực hiện
54/KDS/2014/Đ P-GDPP	Cty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú	CD30/2	7,381,818,182	28/04/14 đến 31/08/2014
02/ĐP-TOY2014	Cty Toyota Tsusho	Pique 65%cotton+35%poly	11,709,553,888	25/03/14 đến 31/12/14
01/ĐP-ROY/2014	Cty Royne	Rib 100% cotton 42/1	8,392,113,750	01/03/14 đến 31/12/14

3. Dệt 8/3

Tên hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
14/2014/EMTEXCO-PPJ	Cty CP Quốc tế Phong Phú	Vải ST12756NN264	9,108,426,250	Tháng 4 đến 6/2014
06/2014/EMTEXCO-PPJ	Cty CP Quốc tế Phong Phú	Vải ST07641NN312	9,792,495,900	Tháng 3 đến 4/2014
03/2014/EMTEXCO-PPJ	Cty CP Quốc tế Phong Phú	Vải ST07641NN312	11,551,648,570	Tháng 02 đến 03/2014
01/2014/EMTEXCO-PPJ	Cty CP Quốc tế Phong Phú	Vải ST07641NN312	14,483,539,070	Tháng 01 đến 02/2014

II. Danh mục đất Vinatex hiện đang sử dụng

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng trước CPH	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Ghi chú
	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM					
1	Địa điểm số 25 Bà Triệu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	995,0	Trụ sở chính, văn phòng làm việc của Tập Đoàn + cửa hàng GTSP	Thuế đất trả tiền hàng năm	Thuế đất trả tiền hàng năm	
2	Địa điểm số 27 Bà Triệu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	27,7	Cửa hàng GTSP	Thuế nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuế nhà, đất trả tiền hàng năm	
3	Địa điểm số 57 B. Phan Chu Trinh - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	155,2	Văn phòng làm việc của Tập Đoàn và các đơn vị thành viên	Thuế nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuế nhà, đất trả tiền hàng năm	
4	Địa điểm số 32 Tráng Tiên - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	677,7	Văn phòng làm việc của Tập Đoàn và các đơn vị thành viên	Thuế nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuế nhà, đất trả tiền hàng năm	Tập Đoàn tiếp tục thuê hoặc chuyển quyền ký hợp đồng thuê với TP Hà Nội cho các đơn vị thành viên đang sử dụng.
5	Địa điểm số 28 ngõ 53 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	5.752,2	Nhà xưởng sản xuất + văn phòng làm việc	Sử dụng làm văn phòng làm việc, xưởng sản xuất của Công ty HTKD Vinatex-OJ thuộc Tập đoàn	Sử dụng làm văn phòng làm việc, xưởng sản xuất của Công ty cổ phần thuộc Tập đoàn	Tập Đoàn hợp tác với Công ty OJ - HONG KONG làm xưởng sản xuất. Hiện nay đang tiến hành làm thủ tục thanh lý hợp đồng cũ; ký lại hợp đồng mới với đối tác để chuyển đổi sang

BÁN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
 Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng trước CPH	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Ghi chú
6	Địa điểm số 2 Lê Thánh Tông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	236,7	Văn phòng làm việc của Tập Đoàn và các đơn vị thành viên + Cửa hàng GTSP	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục Thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty CP thuộc Tập Đoàn
7	Khu công nghiệp Đà Nẵng (An Đồn - Thành phố Đà Nẵng)	26.955,0	Nhà xưởng sản xuất + văn phòng làm việc	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm và quản lý khai thác có hiệu quả	
8	Căn hộ 802 Tòa nhà Pacific Place - 83B Lý Thường Kiệt - Hà Nội	68,7	Nhà công vụ	Hợp đồng thuê dài hạn ngày 30/11/2007 giữa Công ty TNHH TTTM Ever Fortune và Tập đoàn Dệt May Việt Nam làm nhà công vụ	Tiếp tục sử dụng Nhà công vụ của Tập đoàn	
9	Căn hộ 1307 Tòa nhà Golden Westlake - 151 Thụy Khuê - Hà Nội	128,12	Nhà công vụ	Hợp đồng mua bán số 244/HĐ/GW ngày 23/12/2009 của Công ty TNHH Hà Việt Tungsing, có diện tích sử dụng 128m ² làm nhà công vụ	Tiếp tục sử dụng Nhà công vụ của Tập đoàn	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG

Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng trước CPH	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Ghi chú
10	Địa điểm 41 A Lý Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội	2.064,00	Văn phòng	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm	Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm	
11	Địa điểm số 10 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP HCM	488,0	Văn phòng làm việc VP 2 tại TP HCM	Thuê đất trả tiền hàng năm. Tập Đoàn xây dựng tòa nhà bằng nguồn vốn vay.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
12	Địa điểm số 39-41-43 Bến Chương Dương, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM	962,6	Văn phòng làm việc VP 2 tại TP HCM	Nhà nước giao đất thu tiền sử dụng đất một lần. Đang triển khai dự án TTTM Dệt May theo quy hoạch được duyệt	Tiếp tục thực hiện dự án theo quy hoạch đã được TP HCM phê duyệt	
	CHI NHANH TĐ DMVN - XN SX KD VESTON HẢI PHÒNG					
	Khu Công nghiệp Tân Liên - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	42.508,0	Nhà xưởng sản xuất và văn phòng điều hành sản xuất	Đất thuê trả tiền hàng năm	Đất thuê trả tiền hàng năm	
	XÍ NGHIỆP MAY VINATEX QUẢNG NGÃI					
	Đường số 6 Lô C6 Khu công nghiệp Tịnh Phong – Xã Tịnh Phong – huyện Sơn Tịnh – tỉnh Quảng Ngãi	49.010	Nhà xưởng sản xuất, văn phòng và nhà kho	Đất thuê trả tiền hàng năm	Đất thuê trả tiền hàng năm	
	TRUNG TÂM XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHỐ NỔI					
	Khu công nghiệp Dệt May Phố Nổi - Yên Mỹ - Hưng Yên	11.648,0	Hệ thống xử lý nước thải và văn phòng điều hành sản xuất	Thuê đất KCN	Thuê đất KCN	

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
 Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng trước CPH	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Ghi chú
	CTY TNHH MTV THƯƠNG MẠI THỜI TRANG DỆT MAY VIỆT NAM					
1	78 Đường Lý Thường Kiệt, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak	4.445,00	Siêu thị + cửa hàng GTSP	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
2	Đường Nguyễn Du - Triệu Quang Phục, P. Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	1.081,00	Siêu thị + cửa hàng GTSP	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
3	64A Quốc lộ 1A, F7, Nhóm 5, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	4.797,00	Siêu thị + cửa hàng GTSP	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
4	Khố Phú Xuân, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định	6.704,70	Siêu thị + cửa hàng GTSP	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
5	Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	4.757,97	Siêu thị + cửa hàng GTSP	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
6	Số 42 đường 30/4, Thành phố Cần Thơ	1.723,00	Siêu thị + cửa hàng GTSP	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
	CTY TNHH MTV DỆT KIM ĐỒNG XUÂN					
1	Số 524 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	22.355,90	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
2	Số 250 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	2.265,60	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	

BÁN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
 Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng trước CPH	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Ghi chú
3	Xã Tân Dân - Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên	66.095,00	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
4	67 Ngõ Thị Nhậm - Hoàn Kiếm - Hà Nội	14.743,90	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	- Thuê đất trả tiền hàng năm. Đang phối hợp với đối tác xây dựng dự án theo quy hoạch được Thành phố phê duyệt	Bàn giao lại cho thành phố, địa phương để bố trí theo quy hoạch và thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định; nếu được đền bù đi đời thì phần chênh lệch (nếu có) giữa số tiền nhận được từ đền bù đi đời với giá trị còn lại theo sổ sách của tài sản, Công ty có phần nộp vào ngân sách nhà nước.	
5	Xã Tân Dân - Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên	89.862,00	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
	CTY TNHH MTV DỆT KIM ĐÔNG PHƯƠNG					
1	Lô đất vị trí HA2 - Khu Công nghiệp Xuyên Á - Xã Mỹ Hạnh Nam - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An	70.015	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng trước CPH	Hình thức sử dụng trước cổ phần hóa	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Ghi chú
2	Lô đất 1009 - Thoaị Ngọc Hầu - Phường 19 - Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh	2.292	Văn phòng làm việc	Thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm. Tiếp tục thực hiện dự án Văn phòng TTTM; chuyển mục đích sử dụng đất tại 1009 Thoaị Ngọc Hầu - Quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án theo kết luận tại văn bản số 1818/BTC-QLCS ngày 11/02/2011 của Bộ Tài Chính	
CTY TNHH MTV DỆT 8/3						
1	460 Minh Khai HBT - HN	4.105	Văn phòng làm việc	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
2	XN Sợi Phú Xuyên - TT Phú Xuyên HN	28.299	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
3	XN Dệt km6+200 Thị trấn Yên Mỹ Hưng Yên	42.657	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.	
4	Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B - Yên Mỹ - Hưng Yên	27.000	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả trước 1 lần	Tiếp tục sử dụng làm đúng mục đích	
5	Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B - Yên Mỹ - Hưng Yên	4.854	Văn phòng làm việc + nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả trước 1 lần	Tiếp tục sử dụng làm đúng mục đích	

Nguồn: Vinatex

I. Danh sách các công ty con cấp II

TT	Tên công ty	Tổng tỷ lệ sở hữu của Vinatex	Giá trị đầu tư trực tiếp của Vinatex theo mệnh giá (VND)
1	CTCP Dệt kim Vinatex	60,51%	22.992.000.000
2	CTCP Vinatex Quốc tế	65%	13.000.000.000
3	CTCP Thời trang Hòa Thọ	55,06%	2.667.900.000
4	CTCP Hòa Thọ - Quảng Nam	23,02%	3.214.000.000
5	CTCP Hòa Thọ - Hội An	38,80%	4.063.500.000
6	CTCP Hòa Thọ - Duy Xuyên	56,22%	2.673.000.000
7	CTCP Thời trang Hanosimex	37,42%	5.850.000.000
8	CTCP Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	25.503.100.000
9	CTCP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	5.107.000.000
10	CTCP May Halotexco	30,88%	1.877.500.000
11	CTCP May Hải Phòng Hanosimex	28,79%	1.250.000.000
12	CT TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex	57,57%	100.000.000.000
13	CTCP Thương mại dịch vụ Dệt Nam Định	28,19%	2.836.200.000
14	CTCP Chỉ khâu Dệt May Nam Định	27,73%	1.085.000.000
15	CT SXKD Tổng hợp Nam Định	44,01%	4.099.890.000
16	CTCP Chân Len Nam Định	47,02%	10.513.260.000
17	CTCP May III Dệt Nam Định	43,25%	8.057.000.000
18	CTCP May IV Dệt Nam Định	28,69%	2.673.000.000
19	CTCP Dệt Khăn Dệt Nam Định	46,34%	4.317.000.000
20	CTCP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	27.264.000.000
21	CTCP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	47,56%	4.430.000.000
22	CTCP May V Dệt May Nam Định	42,22%	4.326.000.000
23	CTCP Bông Tài Nguyên	29,80%	5.418.000.000
24	CTCP Bông Vải miền Trung	27,40%	4.550.000.000
25	CTCP Giống cây trồng Nha Hồ	29,72%	8.917.020.000
26	CTCP May Nam An	34,18%	15.440.000.000

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHÁO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

TT	Tên công ty	Tổng tỷ lệ sở hữu của Vinatex	Giá trị đầu tư trực tiếp của Vinatex theo mệnh giá (VND)
27	CTTNHH May Vinatex Tư Nghĩa	34,18%	22.500.000.000
28	CTTNHH May Vinatex Hương Trà	39,27%	17.000.000.000

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Vinatex

